

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI

(Giấy chứng nhận ĐKDN 0100100838 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2008, thay đổi lần thứ 7 ngày 29 tháng 12 năm 2020)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 71...../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 3 năm 2022)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TỪ NGÀY...../...../2022 TẠI:

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Địa chỉ: Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3875.6889

Website: <http://www.hanoiplastics.com.vn/>

Email: info@hpevn.vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024 3377 6699

Fax: 024 3373 6699

Website: www.sbsi.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: **Bùi Thanh Nam**

Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Điện thoại: (84-24) 3875.6889



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI



(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0100100858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2008, thay đổi lần thứ 7 ngày 29 tháng 12 năm 2020)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu:	NHH
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Giá chào bán:	15.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng chào bán:	36.440.000 cổ phiếu
Tổng giá trị chào bán:	364.400.000.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm sáu mươi bốn tỷ bốn trăm triệu đồng) (theo mệnh giá)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

❖ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst and Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm

Điện thoại: +84 24 3831 5100

Website: www.ey.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN

❖ Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024 3377 6699

Fax: 024 3373 6699

Website: www.sbsi.com.vn



MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	8
1. Tổ chức phát hành - Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội.....	8
2. Tổ chức tư vấn - Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers.....	8
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	8
1. Rủi ro về kinh tế.....	8
1.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế.....	8
1.2 Tình hình lạm phát.....	9
1.3 Lãi suất.....	10
1.4 Rủi ro về tỷ giá.....	10
2. Rủi ro về luật pháp.....	11
3. Rủi ro đặc thù.....	11
3.1. Rủi ro trong lĩnh vực sản xuất linh kiện nhựa.....	11
3.2. Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu nhập khẩu.....	12
3.3. Rủi ro trả giá của nhà cung cấp.....	12
4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.....	13
4.1 Rủi ro của đợt chào bán.....	13
4.2 Rủi ro của dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	14
5. Rủi ro pha loãng.....	14
5.1 Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu.....	14
5.2 Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu.....	15
5.3 Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần.....	15
5.4 Rủi ro về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết.....	15
6. Rủi ro quản trị Công ty.....	16
7. Rủi ro khác.....	16
III. CÁC KHÁI NIỆM	17
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	19
1. Thông tin chung về tổ chức phát hành.....	19
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	20
3. Cơ cấu tổ chức Công ty.....	21
4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	22



4.1.	Đại Hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ).....	22
4.2.	Hội đồng quản trị (HDQT).....	23
4.3.	Ban Kiểm soát (BKS).....	23
4.4.	Ban Tổng Giám đốc (TGD).....	24
4.5.	Các phòng ban chức năng.....	24
5.	Danh sách Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.....	27
5.1.	Công ty mẹ của tổ chức phát hành	27
5.2.	Công ty con của tổ chức phát hành	27
6.	Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty.....	29
7.	Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty năm 2019 – 2021	33
8.	Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	34
9.	Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	34
10.	Hoạt động kinh doanh	34
10.1.	Đặc điểm hoạt động kinh doanh.....	34
10.2.	Tài sản thuộc sở hữu Công ty.....	42
10.3.	Thị trường hoạt động	44
10.4.	Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính	44
10.5.	Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	46
10.6.	Các khách hàng, nhà cung cấp lớn	47
10.7.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	51
10.8.	Hoạt động Marketing.....	55
10.9.	Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế	55
10.10.	Chính sách nghiên cứu và phát triển	55
10.11.	Chiến lược Kinh doanh, định hướng phát triển của Công ty.....	56
10.12.	Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật của tổ chức phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện: Không có.....	57
11.	Chính sách đối với người lao động.....	57
11.1.	Tình hình và số lượng người lao động trong Công ty	58
11.2.	Chính sách đối với người lao động.....	59
12.	Chính sách cổ tức	60



13.	Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất	61
14.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành.....	62
15.	Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	62
16.	Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích:.....	62
V.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	63
1.	Kết quả hoạt động kinh doanh.....	63
1.1	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty từ năm 2019 đến năm 2021	63
1.2	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh	64
2.	Tình hình tài chính.....	66
3.	Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành	73
4.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo.....	74
4.1	Kế hoạch sản xuất kinh doanh.....	74
4.2	Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức nêu trên.....	74
4.3	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	75
VI.	THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG	76
1.	Thông tin về cổ đông sáng lập.....	76
2.	Thông tin về cổ đông lớn.....	76
3.	Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	79
3.1	Hội đồng quản trị.....	79
3.2	Ban Tổng Giám đốc.....	87
3.3	Ban Kiểm soát	89
VII.	THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	93
1.	Loại cổ phiếu	93
2.	Mệnh giá.....	93
3.	Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán.....	93



4.	Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá.....	93
5.	Giá chào bán.....	93
6.	Phương pháp tính giá.....	93
7.	Phương thức phân phối.....	94
8.	Đăng ký mua cổ phiếu.....	95
9.	Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu.....	95
10.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng.....	96
11.	Tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu.....	97
12.	Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành.....	97
13.	Hủy bỏ đợt chào bán.....	97
14.	Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài.....	97
15.	Các loại thuế có liên quan.....	97
15.1.	Đối với Công ty.....	97
15.2.	Đối với nhà đầu tư.....	97
16.	Thông tin về các cam kết.....	98
17.	Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt.....	98
VIII.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	98
IX.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	98
X.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN.....	103
XI.	CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.....	103
XII.	NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	104
XIII.	PHỤ LỤC.....	105



DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2009 – 2021	9
Hình 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm	9
Hình 3: Cơ cấu tổ chức của Công ty	21
Hình 4: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty	22
Hình 5: Quy trình sản xuất khuôn	36
Hình 6: Quy trình sản xuất	37
Hình 7: Tỷ lệ nội địa hóa các sản phẩm hỗ trợ	53
Hình 8: Tỷ lệ nội địa hóa theo ngành	54

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Danh sách một số nhà cung cấp chính	13
Bảng 2. Quá trình tăng vốn điều lệ	29
Bảng 3: Các khoản góp vốn lớn (có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên) của Công ty từ năm 2019 cho đến nay	33
Bảng 4: Các khoản thoái vốn lớn (có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên) của Công ty từ năm 2019 cho đến nay	33
Bảng 5. Cơ cấu cổ đông tại 26/10/2021	34
Bảng 6. Sản lượng theo các loại thành phẩm qua các năm	38
Bảng 7. Cơ cấu doanh thu hợp nhất qua các năm	39
Bảng 8: Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất qua các năm	39
Bảng 9. Sản lượng tại nhà máy NHH	40
Bảng 10. Sản lượng tại nhà máy VIEXIM	40
Bảng 11: Sản lượng tại nhà máy An Trung Industries	41
Bảng 12: Sản lượng tại nhà máy VMC	41
Bảng 13. Sản lượng tại Nhà máy An Cường	42
Bảng 14. Giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2021	42
Bảng 15. Danh sách đất đai, nhà xưởng tại ngày 31/12/2021	43
Bảng 16: Cơ cấu doanh thu hợp nhất theo thị trường hoạt động	44
Bảng 17. Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất theo thị trường hoạt động	44
Bảng 18. Các khoản đầu tư tài chính của Công ty	44
Bảng 19: Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	46
Bảng 20: Danh sách khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty năm 2019	48
Bảng 21: Danh sách khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty năm 2020	49
Bảng 22: Danh sách khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty năm 2021	50
Bảng 23: Tình hình lao động của Công ty	58
Bảng 24: Tỷ lệ cổ tức năm gần nhất	61



Bảng 25: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp nhất	63
Bảng 26: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty Mẹ.....	64
Bảng 27. Tình hình vốn điều lệ.....	67
Bảng 28. Tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu Công ty mẹ.....	67
Bảng 29. Tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu hợp nhất	67
Bảng 30. Thời gian khấu hao của các loại tài sản	67
Bảng 31. Tình hình các khoản phải thu Công ty mẹ	68
Bảng 32: Tình hình các khoản phải thu hợp nhất.....	68
Bảng 33: Tình hình các khoản nợ phải trả Công ty mẹ.....	69
Bảng 34: Tình hình các khoản nợ phải trả hợp nhất	69
Bảng 35: Số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước công ty mẹ	70
Bảng 36: Số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước hợp nhất	71
Bảng 37: Số dư các quỹ Công ty Mẹ	71
Bảng 38: Số dư các quỹ hợp nhất.....	71
Bảng 39: Các chỉ tiêu tài chính năm 2019-2021	72
Bảng 40: Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất 2022	74
Bảng 41: Danh sách người có liên quan của cổ đông lớn	78
Bảng 42: Mục đích sử dụng vốn chi tiết	99



NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành - Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Ông Bùi Minh Hải	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Bùi Thanh Nam	Chức vụ: Tổng giám đốc
Bà Đỗ Thị Hương Giang	Chức vụ: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn - Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

Ông Nguyễn Quang Anh	Chức vụ: Tổng Giám đốc
----------------------	------------------------

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 0211/2021/TVPH/SBSI-NHH ngày 02 tháng 11 năm 2021 với Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công Ty Cổ Phần Nhựa Hà Nội cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội (gọi tắt là “NHH” hoặc “Công ty”) được thành lập và hoạt động trên lãnh thổ và tuân thủ theo pháp luật Việt Nam, do đó các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty không chỉ bao gồm các nhân tố nội tại doanh nghiệp mà còn bao gồm nhiều nhân tố vĩ mô khác:

1. Rủi ro về kinh tế

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất... chính sách kinh tế của Chính phủ có tác động nhất định đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung.

1.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tình hình kinh tế thế giới khởi sắc trong năm 2021 khi các quốc gia triển khai mạnh mẽ chiến lược tiêm chủng vắc-xin phòng Covid-19 đã giúp giảm nhanh số ca lây nhiễm và tử vong. Tuy nhiên, tăng trưởng của các nền kinh tế có sự khác biệt do tốc độ triển khai vắc-xin và chính sách hỗ trợ khác nhau ở các quốc gia. Thương mại toàn cầu tiếp tục phục hồi nhưng có xu hướng chậm dần, giá nhiều mặt hàng tăng mạnh so với năm 2020, lạm phát gia tăng nhưng nhìn chung vẫn được kiểm soát trên toàn thế giới. Ngoài ra, đại dịch đã gây tắc nghẽn trong chuỗi giá trị toàn cầu làm cho giá nguyên liệu sản xuất tăng là thách thức không nhỏ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các quốc gia.

Hình 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2011 – 2021



Nguồn: Tổng cục thống kê

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, GDP năm 2021 chỉ tăng 2,58% so với cùng kỳ năm trước do dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,9%, đóng góp 13,97% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4,05%, đóng góp 63,80%; khu vực dịch vụ tăng 1,22%, đóng góp 22,23%.

Mặc dù kinh tế Việt Nam tăng trưởng chậm lại do dịch covid-19 kéo dài, song Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) lạc quan về triển vọng trung và dài hạn của kinh tế Việt Nam¹. Tăng trưởng có thể được hỗ trợ bởi sự phục hồi của cầu nội địa, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, mở rộng hoạt động sang các thị trường xuất khẩu mới do các hiệp định thương mại mang lại, và sự phục hồi của nền kinh tế toàn cầu.

Kinh tế tăng trưởng thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng đối với tất cả các sản phẩm, trong đó có các sản phẩm nhựa, qua đó tăng nhu cầu tiêu thụ đối với sản phẩm Công ty cung cấp.

1.2 Tình hình lạm phát

Lạm phát biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến các chủ thể trong nền kinh tế nói chung và đến hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp nói riêng. Rủi ro lạm phát tăng sẽ dẫn đến tăng chi phí sản xuất kinh doanh trong khi giá hàng hoá lại bị ảnh hưởng bởi nhu cầu thị trường. Bên cạnh đó, rủi ro lạm phát còn ảnh hưởng đến mức lãi suất chiết khấu sử dụng vốn, làm giảm giá trị dòng tiền hiện tại. Ngược lại, giảm phát cũng tiềm ẩn rủi ro đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế, đi kèm với sự suy giảm nhu cầu thị trường và đình trệ chi tiêu của toàn bộ nền kinh tế.

[Hết nội dung tại trang này]

¹ <https://www.adb.org/vi/news/viet-nam-economy-slow-down-covid-19-adb-bullish-economic-growth-medium-longer-term>

Hình 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm



Nguồn: Tổng cục thống kê

Giai đoạn 2016 - 2020, lạm phát bình quân của Việt Nam ở mức thấp kỷ lục trong nhiều năm qua, một phần là do ảnh hưởng của sự lao dốc của giá dầu thô và tác động từ các chính sách chỉ đạo, điều hành của Chính phủ. Trong bối cảnh áp lực lạm phát toàn cầu ngày càng tăng cao, giá nguyên vật liệu đầu vào và giá cước vận chuyển liên tục tăng, tuy nhiên chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2021 của Việt Nam chỉ tăng 1,84% so với năm trước, đạt được mục tiêu của Quốc hội và tiếp tục là năm kiểm soát lạm phát thành công. Theo dự báo của Cục Quản lý giá (Bộ Tài chính), lạm phát năm 2022 dự kiến sẽ tiếp tục kiểm soát tốt ở mức 2% - 3% dưới tác động của dịch bệnh và các chính sách điều hành của Nhà nước.

1.3 Lãi suất

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, tùy vào đặc điểm kinh doanh của mình, mỗi doanh nghiệp có cơ cấu vốn khác nhau. Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp sử dụng nguồn vay lớn từ các ngân hàng thương mại nên việc biến động lãi suất ngân hàng sẽ gây nên những rủi ro nhất định cho doanh nghiệp. Trong những năm gần đây, lãi suất cho vay của doanh nghiệp đã trở nên bình ổn và tạo sức bật cho cả nền kinh tế hội nhập và phát triển toàn cầu. Lãi suất cho vay doanh nghiệp những năm gần đây ở mức phổ biến 7 - 8%/năm, qua đó hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung. Lãi suất thấp sẽ hỗ trợ cho Công ty trong việc giảm chi phí lãi vay, ảnh hưởng tích cực đến kết quả kinh doanh của Công ty các năm tiếp theo. Những bất ổn về lạm phát và lãi suất xảy ra vào những năm 2008 và 2010 làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển của nền kinh tế đã trở thành bài học kinh nghiệm to lớn cho Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước. Quan điểm nhất quán, xuyên suốt trong việc điều hành chính sách tài chính, tiền tệ hiện nay là đảm bảo ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế. Do vậy, rủi ro liên quan đến việc lãi suất tăng đột biến gây khó khăn cho nền kinh tế sẽ khó có thể tái diễn trong thời gian tới.

1.4 Rủi ro về tỷ giá

Rủi ro về tỷ giá là thách thức đối với các doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu, máy móc đầu vào để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nhất là trong thời điểm tỷ giá ngoại tệ biến động theo chiều hướng tăng. Khi tỷ giá thay đổi, đặc biệt theo xu hướng tăng thì chi phí đầu vào của Công ty sẽ tăng theo, trong khi sản phẩm lại không thể điều chỉnh tăng tương ứng ngay lập tức, điều này làm tăng chi phí và giảm lợi nhuận của Công ty.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội chủ yếu liên quan tới hoạt động đầu tư máy móc thiết bị và hoạt động mua nguyên vật liệu. Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội chủ yếu mua



máy móc thiết bị từ các nước Mỹ, Nhật Bản,... trong đó chủ yếu là Nhật Bản nên phần nào cũng bị ảnh hưởng bởi tỷ giá đồng yên Nhật và tỷ giá USD, tuy nhiên, ảnh hưởng của biến động tỷ giá hối đoái tới hoạt động này không nhiều vì hoạt động đầu tư máy móc thiết bị không phải là hoạt động thường xuyên thuộc hạng mục đầu tư định kỳ hàng năm của Công ty.

Nguyên vật liệu của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội chủ yếu được nhập khẩu từ các nước Đài Loan, Ấn Độ, Thái Lan, Hàn Quốc,... nên sự biến động tỷ giá TWD, INR, THB; KRW,... sẽ phần nào ảnh hưởng tới chi phí nguyên vật liệu của Công ty, kéo theo ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên, phần lớn nguyên vật liệu Công ty là do khách hàng chỉ định và có giá tham chiếu khi, giá nguyên vật liệu đầu vào biến động +/- 5% thì sẽ điều chỉnh giá bán tương ứng nên Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội không bị ảnh hưởng nhiều bởi tỷ giá hối đoái.

2. Rủi ro về luật pháp

Sự thay đổi về chính sách, luật pháp như Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định khác liên quan đến ngành nghề có ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của ngành và Công ty. Tuy nhiên, rủi ro luật pháp là rủi ro hệ thống, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải có những điều chỉnh và thích ứng phù hợp để phát huy tối đa mặt thuận lợi, hạn chế mặt bất lợi mà mỗi sự thay đổi chính sách gây ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngành nhựa hiện được coi là một trong những ngành nghề mũi nhọn, được khuyến khích phát triển. Cụ thể, Nhà nước đã có những chính sách tạo thuận lợi cho ngành như Quyết định số 2992/QĐ-BCT ngày 17/06/2011 của Bộ trưởng Bộ Công thương phê duyệt quy hoạch phát triển ngành nhựa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 với các mục tiêu: phát triển ngành Nhựa Việt Nam thành một ngành kinh tế mạnh với tốc độ tăng trưởng cao và bền vững; phát triển ngành nhựa Việt Nam thành ngành công nghiệp tiên tiến, sản xuất được những sản phẩm chất lượng cao, đa dạng hóa về chủng loại, mẫu mã, có tính cạnh tranh cao, thân thiện với môi trường, đáp ứng phần lớn nhu cầu của thị trường trong nước, có khả năng xuất khẩu những sản phẩm có giá trị gia tăng cao với sản lượng ngày càng cao, để ngành nhựa Việt Nam phát triển ngang tầm với khu vực và trên thế giới. Các chính sách này tạo điều kiện cho ngành nhựa phát triển trong trung và dài hạn, hạn chế rủi ro cho doanh nghiệp ngành nhựa.

3. Rủi ro đặc thù

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh linh kiện nhựa kỹ thuật, khuôn mẫu chính xác thuộc ngành công nghiệp hỗ trợ, do đó, tình hình hoạt động kinh doanh và giá cổ phiếu của NHH sẽ bị ảnh hưởng nhiều bởi những yếu tố đặc thù của các lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

3.1. Rủi ro trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ

Đối với ngành công nghiệp hỗ trợ chuyên sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp như: các phụ kiện trong công nghiệp xây dựng, các chi tiết nhựa trong công nghiệp điện tử viễn thông, công nghiệp sản xuất ô tô, xe máy, các sản phẩm ngành công nghiệp khác và các mặt hàng nhựa gia dụng như máy giặt, điều hòa, sự biến động của ngành công nghiệp chính như sản xuất ô tô, xe máy, máy giặt, điều hòa,.. sẽ ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành. Tuy nhiên, các sản phẩm ô tô, máy giặt, điều hòa,.. là các sản phẩm thiết yếu và khi nền kinh tế càng phát triển, nhu cầu của người tiêu dùng đối với các sản phẩm này càng tăng cao. Bởi vậy, rủi ro về ngành nghề kinh doanh cũng không có tác động quá lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh

sản phẩm nhựa công nghiệp hỗ trợ của Công ty. Mức độ cạnh tranh trong ngành ngày càng tăng cao không chỉ do các doanh nghiệp trong nước mà còn từ phía các doanh nghiệp Trung Quốc. Nguyên nhân là các doanh nghiệp nước ngoài có xu hướng chuyển từ mua hàng từ Trung Quốc sang thị trường Việt Nam nhưng lại yêu cầu doanh nghiệp Việt Nam đáp ứng mức giá rẻ như các nhà sản xuất Trung Quốc.

Trước vấn đề này, Công ty đang áp dụng các biện pháp khác nhau để tăng cường tính cạnh tranh như áp dụng các quy trình quản trị chi phí, quản trị tài chính tiên tiến để bảo toàn lợi nhuận, tạo ra lợi thế cạnh tranh về giá, đồng thời vận hành hệ thống kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt để đảm bảo chất lượng sản phẩm.

3.2. Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu nhập khẩu

Nguyên vật liệu đầu vào chính của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội là hạt nhựa. Chi phí nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm. Vì vậy, biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ có ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Trong bối cảnh những nguyên vật liệu này chủ yếu phải nhập khẩu từ nước ngoài do ngành hóa nhựa trong nước chưa đáp ứng được nhu cầu của các doanh nghiệp, biến động giá nhập nguyên liệu chủ yếu phụ thuộc vào giá dầu, giá khí thiên nhiên và giá than đá trên thế giới, khó dự đoán, làm ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, phần lớn nguyên vật liệu của Công ty được khách hàng chỉ định và có giá tham chiếu, khi giá nguyên vật liệu đầu vào biến động +/-5% thì sẽ khách hàng sẽ điều chỉnh giá mua sản phẩm tương ứng. Do đó, biến động giá nguyên vật liệu được phản ánh vào giá bán thành phẩm, hạn chế rủi ro biến động giá nguyên vật liệu. Đồng thời Công ty đã thực hiện kiểm soát rủi ro nguyên vật liệu thông qua điều chỉnh thu mua nguyên vật liệu theo kế hoạch sản xuất hàng tháng, dựa trên đơn hàng từ phía khách hàng, hạn chế tích trữ hàng tồn kho. Chính sách quản lý nguyên vật liệu này giúp hạn chế rủi ro biến động giá, giúp Công ty kiểm soát chi phí đầu vào hiệu quả hơn.

3.3. Rủi ro trả giá của nhà cung cấp

Hiện nay, các Công ty cung ứng nguyên liệu nhựa thường có vị thế hơn trong việc thương thảo giá đối với các công ty sản xuất nhựa vì một số lý do sau:

- Nguyên liệu nhựa đầu vào chiếm 70 – 80% chi phí sản xuất của các công ty nhựa.
- Nguyên liệu nhựa chủ yếu phải nhập khẩu từ nước ngoài (khoảng 80%, theo Hiệp hội Nhựa Việt Nam). Nguồn cung trong nước hạn chế khiến vị thế của các công ty sản xuất nhựa trong nước đối với những đối tác cung ứng nước ngoài yếu đi. Bên cạnh đó, ngành công nghiệp hoá dầu của Việt Nam còn non trẻ, hạt nhựa đầu ra chưa đáp ứng được về cả chủng loại cũng như sản lượng. Trong tương lai gần, khả năng tự chủ được nguồn nguyên liệu của ngành nhựa trong nước sẽ chưa thể cải thiện mạnh mẽ mặc dù các dự án phát triển hoá dầu đã được triển khai nhưng chưa đáp ứng đủ nhu cầu trong nước.
- Số lượng công ty sản xuất nhựa trong nước tương đối lớn, trong khi nguồn cung nguyên liệu lại bị hạn chế.
- Sản phẩm của Công ty thuộc ngành công nghiệp hỗ trợ nên có yêu cầu chất lượng cao, đảm bảo các tính năng và công năng theo yêu cầu từ các thương hiệu lớn. Do vậy nguyên liệu nhựa được sử dụng sản xuất đều có xuất xứ rõ ràng và là hạt nhựa kỹ thuật có tiêu chuẩn cao, phần lớn trong nước chưa sản xuất được và do khách hàng chỉ định loại sử dụng, nguồn cung cấp.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty đàm phán chính sách bán hàng với khách hàng điều chỉnh giá bán theo biến động giá nguyên vật liệu.

Nhà cung cấp nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu là các hãng lớn, có tên tuổi trên thị trường như Honda Trading Vietnam (thuộc Tập Đoàn Honda – Nhật Bản), Sumimoto Việt Nam, Inabata và SIK Việt Nam (thuộc Tập đoàn Hóa chất Sumimoto – Nhật Bản),... nên nguồn cung luôn ổn định kể cả trong các thời kỳ khó khăn của nền kinh tế. Đồng thời, các nhà cung cấp nguyên vật liệu đều có mối quan hệ hợp tác lâu dài với Công ty, giúp Công ty đảm bảo được nguồn cung nguyên vật liệu ổn định với giá cả hợp lý.

Bảng 1: Danh sách một số nhà cung cấp chính

STT	Tên nhà cung cấp	Trụ sở chính	Chi nhánh nhập khẩu
1	Công ty TNHH Honda Trading Việt Nam	Nhật Bản	Việt Nam
2	Công ty TNHH SIK Việt Nam	Nhật Bản	Việt Nam
3	SUMITOMO CORPORATION Viet Nam	Nhật Bản	Việt Nam
4	INABATA Viet Nam Co., Ltd	Nhật Bản	Việt Nam
5	Công ty TNHH Resinoplast Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam
6	BASF Hong Kong LTD	Đức	Hong Kong
7	Basell Asia Pacific., Ltd	Hà Lan	Hong Kong
8	MACHINO POLYMERS LIMITED	Ấn Độ	Ấn Độ
9	Vinabela International Corporation	Đài Loan	Đài Loan
10	Hongplas International Coporation	Đài Loan	Đài Loan
11	Grand Pacific Petrochemical Corporation	Đài Loan	Đài Loan
12	PT Riken Indonesia	Indonesia	Indonesia
13	Công ty TNHH LG Chem Hải Phòng	Hàn Quốc	Việt Nam
14	LG Chem., LTD	Hàn Quốc	Hàn Quốc

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

4.1 Rủi ro của đợt chào bán

Giá cổ phiếu được xác định bởi quan hệ cung cầu của thị trường. Mối quan hệ cung cầu này phụ thuộc vào nhiều yếu tố mang tính kinh tế lẫn tâm lý của nhà đầu tư. Giá cổ phiếu Công ty không nằm ngoài quy luật chung đó. Do vậy, kế hoạch chào bán cổ phiếu của Công ty tiềm ẩn rủi ro không thực hiện chào bán hết khối lượng cổ phiếu đăng ký chào bán và trong trường hợp tỷ lệ chào bán thành công của đợt phát hành không đạt tối thiểu 70% tổng số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán, thì đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sẽ bị hủy bỏ. Kết quả này phụ thuộc khá nhiều vào thị trường chứng khoán Việt Nam và nội tại cổ phiếu NHH.

Trong đợt chào bán này, Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội dự kiến chào bán thêm 36.440.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 với giá chào bán là 15.000 đồng/cổ phiếu. Giá giao dịch của cổ phiếu NHH bình quân 30 phiên gần nhất trước ngày 28/03/2022 trên thị trường khoảng 30.927 đồng/cổ phiếu. Như vậy, nếu thị trường chứng khoán tiếp tục có những diễn biến ổn định trong thời gian tới thì Công ty sẽ hạn chế được rủi ro do cổ đông từ chối thực hiện quyền mua.

Trong trường hợp thị trường bất ngờ có diễn biến xấu và đi xuống, hoặc trong trường hợp giá cổ phiếu NHH giảm xuống dưới vùng giá chào bán khiến các cổ đông có thể không thực hiện quyền

mua cổ phiếu chào bán thêm thì số lượng cổ phiếu không đặt mua hết (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định bán cho các đối tượng khác (kể cả các cổ đông của Công ty có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần).

4.2 Rủi ro của dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán sẽ được Công ty sử dụng cho mục đích:

- Góp vốn vào Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Công nghệ cao An Cường;
- Góp vốn vào Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam;
- Bổ sung vốn lưu động: Mua hàng hóa, nguyên vật liệu và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, thanh toán lương, lương khuyến khích, bảo hiểm và các khoản phụ cấp cho người lao động.

Việc không thu được tiền hoặc không thu được đủ tiền cần thiết để sử dụng cho mục đích bổ sung vốn lưu động nêu trên có thể dẫn đến rủi ro về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, số tiền huy động cho mục đích bổ sung vốn lưu động trong đợt chào bán lần này chiếm một tỷ lệ thấp (9,44%) trong tỷ trọng doanh thu hợp nhất năm 2021 (doanh thu hợp nhất năm 2021 theo BCTC hợp nhất quý 4/2021 tự lập là 2.083.699.675.719 đồng). Căn cứ kết quả chào bán thực tế, Công ty sẽ tiến hành phân bổ nguồn vốn thu được và/hoặc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty và đảm bảo lợi ích cổ đông. Việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán tuân thủ quy định pháp luật liên quan và bảo đảm quyền lợi của cổ đông.

5. Rủi ro pha loãng

Do Công ty thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu nên giá cổ phiếu NHH sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật tại ngày giao dịch không hưởng quyền, các rủi ro có thể xuất hiện bao gồm rủi ro pha loãng giá, rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu, rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần và tỷ lệ nắm giữ quyền biểu quyết.

5.1 Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu

Số cổ phiếu chào bán thêm dự kiến trong đợt này là 36.440.000 cổ phần, tăng thêm 100% so với số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành. Sau khi lượng cổ phiếu này chào bán, giá cổ phiếu của Công ty sẽ bị pha loãng với mức độ nhất định. Sự điều chỉnh kỹ thuật về giá cổ phiếu xảy ra trong trường hợp giá chào bán nhỏ hơn giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền, khi đó giá tham chiếu điều chỉnh tại ngày giao dịch không hưởng quyền được tính theo công thức:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I \times PR)}{1 + I}$$

Trong đó:

P: là giá tham chiếu điều chỉnh tại Ngày giao dịch không hưởng quyền

P_{t-1} là giá đóng cửa cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày giao dịch không hưởng quyền

I: là tỷ lệ vốn tăng

$(I = \text{số lượng cổ phần phát hành thêm} / \text{số lượng cổ phần đang lưu hành tại thời điểm phát hành})$



$$I = 36.440.000 / 36.440.000 \text{ hay } I = 1)$$

- PR: là giá sẽ bán cho người mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới

Giả định:

- Giá đóng cửa của cổ phiếu Công ty tại ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền (P_{t-1}) là 30.000 đồng/cổ phiếu.
- Tỷ lệ vốn tăng: $I = 1$
- Giá bán cho người mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới (PR): 15.000 đồng/cổ phiếu

Như vậy, giá tham chiếu cổ phiếu của Công ty tại ngày giao dịch không hưởng quyền (P) sẽ được điều chỉnh như sau:

$$P = \frac{30.000 + 1 \times 15.000}{1 + 1} = 22.500 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

5.2 Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu

Số cổ phiếu lưu hành trên thị trường sau khi thực hiện chào bán sẽ tăng so với cổ phiếu đang lưu hành, vì vậy thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) sẽ được điều chỉnh.

$$\text{EPS bình quân kỳ} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận sau thuế trong kỳ}}{\text{Tổng số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

$$(*) \text{ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{A \times 12 + B \times t}{12}$$

A: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi chào bán (cổ phiếu)

B: Số lượng cổ phiếu chào bán (cổ phiếu)

t: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm (tháng)

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận với tốc độ tăng số lượng cổ phần: số lượng cổ phần tăng lên nhưng lợi nhuận sau thuế không tăng hoặc tăng với tốc độ chậm hơn sẽ làm cho thu nhập trên mỗi cổ phần sẽ bị giảm. Mức độ pha loãng thu nhập sẽ được khắc phục khi công ty hoạt động tốt, hiệu quả sử dụng vốn cao.

5.3 Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần

Chỉ số giá trị sổ sách mỗi cổ phần (BVPS) có thể giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại. Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phần đã phát hành} - \text{số lượng cổ phiếu quỹ}}$$

Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng trưởng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm.

5.4 Rủi ro về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Sau khi hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này.



6. Rủi ro quản trị Công ty

Rủi ro quản trị đối với mỗi doanh nghiệp có thể phát sinh do 2 nguyên nhân chính (i) sự thiếu hụt do chưa được bù đắp kịp thời của một hoặc nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt và (ii) sự hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa các cấp quản trị. Để hạn chế rủi ro quản trị, Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội cần tuân thủ chặt chẽ các quy định về quản trị công ty quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản hướng dẫn thi hành và áp dụng chế độ báo cáo, công bố thông tin theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, dự kiến sau đợt chào bán lần này, vốn điều lệ Công ty dự kiến tăng lên gấp đôi, dẫn đến gia tăng rủi ro về quản trị công ty khi quy mô về vốn của Công ty tăng nhanh sau đợt chào bán. Quy mô về vốn của Công ty tăng nhanh, tuy nhiên việc này nằm trong kế hoạch quản trị vốn của Công ty, việc tăng vốn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động và góp vốn vào công ty con để tái cơ cấu nợ vay, bổ sung vốn kinh doanh cho công ty con, góp phần làm giảm chi phí lãi vay, tăng khả năng thanh toán, tăng lợi nhuận cho Công ty. Đồng thời, Ban lãnh đạo Công ty luôn theo dõi sát sao tình hình thị trường, hoạt động kinh doanh của Công ty, tận dụng tối đa lợi thế về vốn tăng lên nhằm đưa ra các biện pháp kinh doanh hiệu quả.

7. Rủi ro khác

Bên cạnh những rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Nếu những rủi ro này xảy ra sẽ để lại những hậu quả nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và sự phát triển của Công ty.

[Hết nội dung tại trang này]

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội (“NHH”)
- Điều lệ : Điều lệ của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua
- Vốn điều lệ : Là số vốn do tất cả các cổ đông góp
- Cổ phần : Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau
- Cổ phiếu : Chứng chỉ do Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần
- Người có liên quan : Là tổ chức, cá nhân có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;

Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;

Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;

Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Những thuật ngữ khác (nếu có) mà không được liệt kê ở trên sẽ được hiểu theo quy định trong Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản pháp luật có liên quan khác.



Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Công ty/NHH : Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
- Điều lệ : Điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
- SBSI : Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers
- Giấy CNĐKDN : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- BTGD : Ban Tổng Giám đốc
- TSCĐ : Tài sản cố định
- Thuế TNDN : Thuế Thu nhập doanh nghiệp
- CĐ : Cổ đông
- ĐVT : Đơn vị tính
- CBCNV : Cán bộ, công nhân viên
- HĐ : Hợp đồng
- CBTT : Công bố thông tin

[Hết nội dung tại trang này]



IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về tổ chức phát hành

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI
- Tên công ty bằng tiếng nước ngoài: HANOI PLASTICS JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: HPCS., JSC
- Trụ sở chính: Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 3875.6889
- Fax: (84-24) 3875 6884
- Website: www.hanoiplastics.com.vn
- Email: info@hpevn.vn
- Giấy CNĐKDN: 0100100858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2008, thay đổi lần thứ 7 ngày 29 tháng 12 năm 2020.
- Đại diện pháp luật: Ông Bùi Minh Hải – Chủ tịch HĐQT
Ông Bùi Thanh Nam – Tổng Giám đốc
- Mã cổ phiếu: NHH (niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh)
- Tài khoản mở tại: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (VietinBank) – Chi nhánh Hà Nội
- Số tài khoản: 115000001403
- Vốn điều lệ: 364.400.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi bốn tỷ, bốn trăm triệu đồng)
- Ngành nghề kinh doanh chính:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp như các phụ kiện trong công nghiệp xây dựng, các chi tiết nhựa trong công nghiệp điện tử viễn thông, công nghiệp sản xuất ô tô, xe máy, các sản phẩm ngành công nghiệp và các mặt hàng nhựa gia dụng; Sản xuất các loại khuôn mẫu, thiết bị chuyên dùng phục vụ công nghệ sản xuất sản phẩm nhựa và cung cấp cho các ngành công nghiệp;	3290 (chính)
2	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Mua bán các sản phẩm nhựa công nghiệp như các phụ kiện trong công nghiệp xây dựng, các chi tiết nhựa trong công nghiệp điện tử viễn	4669



STT	Tên ngành	Mã ngành
	thông, công nghiệp sản xuất ô tô, xe máy, các sản phẩm ngành công nghiệp và các mặt hàng nhựa gia dụng; Mua bán các loại khuôn mẫu, thiết bị chuyên dùng phục vụ công nghệ sản xuất sản phẩm nhựa và cung cấp cho các ngành công nghiệp;	
3	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220

Nguồn: NHH

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội tiền thân là Xí nghiệp Nhựa Hà Nội trực thuộc Sở Công nghiệp Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 126/QĐ/UB-CN ngày 24/01/1972 của UBND Thành phố Hà Nội. Sau 50 năm hoạt động và phát triển, hiện nay, Công ty đã trở thành một trong số ít doanh nghiệp Việt sớm tham gia vào chuỗi sản xuất toàn cầu của các Tập đoàn lớn như Honda, Toyota, Samsung, Brother, LG, Panasonic,...

Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội:

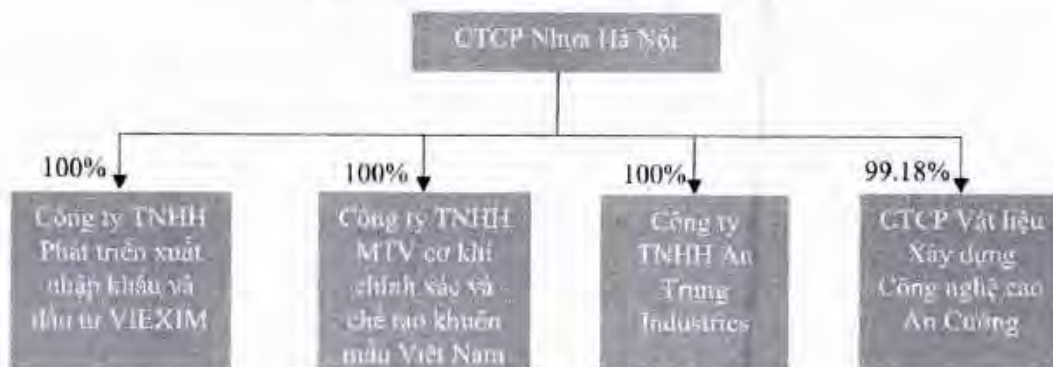
Tháng 01/1972	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội tiền thân là Xí nghiệp Nhựa Hà Nội trực thuộc Sở Công nghiệp Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 126/QĐ/UB-CN ngày 24/01/1972 của UBND Thành phố Hà Nội
Tháng 8/1993	Xí nghiệp Nhựa Hà Nội được chuyển đổi thành Công ty Nhựa Hà Nội trực thuộc Sở Công nghiệp Hà Nội theo Quyết định số 2977/QĐ-UB ngày 10/08/1993 của UBND thành phố Hà Nội.
Tháng 8/2005	Công ty Nhựa Hà Nội được chuyển đổi thành Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Nhựa Hà Nội theo Quyết định số 126/2005/QĐ-UB ngày 08/08/2005 của UBND Thành phố Hà Nội.
Tháng 11/2007	UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 4730/QĐ-UBND ngày 26/11/2007 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hoá của Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Nhựa Hà Nội. Ngày 27/12/2007, Công ty đã tiến hành bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Kết quả chào bán như sau: <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng chào bán: 1.122.800 cổ phần - Giá khởi điểm chào bán: 10.300 đồng/cổ phần - Số lượng cổ phần chào bán thành công: 834.800 cổ phần - Giá đầu thành công bình quân: 27.958 đồng/cổ phần
Tháng 9/2008	UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 16/09/2008 về việc chuyển đổi Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Nhựa Hà Nội thành Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội.
Tháng 10/2008	Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103027615 (nay đổi thành số 0100100858) do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/10/2008, với vốn điều lệ là 65.000.000.000 đồng (trong đó vốn thuộc sở hữu Nhà nước là: 53.112.000.000 đồng, chiếm 81,71%

	vốn điều lệ).
Tháng 4/2017	Công ty trở thành công ty đại chúng (theo Công văn số 2233/UBCK-GSDC ngày 25/04/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)
Tháng 09/2017	Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội với mã chứng khoán NHH đã chính thức đăng ký giao dịch tại sàn Upcom thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
Tháng 12/2017	Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội – Chủ sở hữu 5.311.200 cổ phần tại Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội đã thoái toàn bộ vốn Nhà nước đầu tư tại Công ty bằng hình thức khớp lệnh trên Sàn Upcom.
Tháng 2/2019	Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 03 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi vốn điều lệ là 168.000.000.000 đồng
Tháng 8/2019	Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu thưởng cho CBCNV theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, nâng vốn điều lệ Công ty lên 344.400.000.000 đồng
Tháng 12/2019	Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội với mã chứng khoán NHH đã chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) theo Quyết định số 499/QĐ-SGDHCM ngày 22/11/2019 về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu NHH.
Tháng 12/2020	Công ty phát hành thêm 2.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, thực hiện tăng vốn lên 364.400.000.000 đồng

3. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội được tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Công ty có 04 công ty con, chi tiết các công ty được trình bày ở mục 5.2.

Hình 3: Cơ cấu tổ chức của Công ty

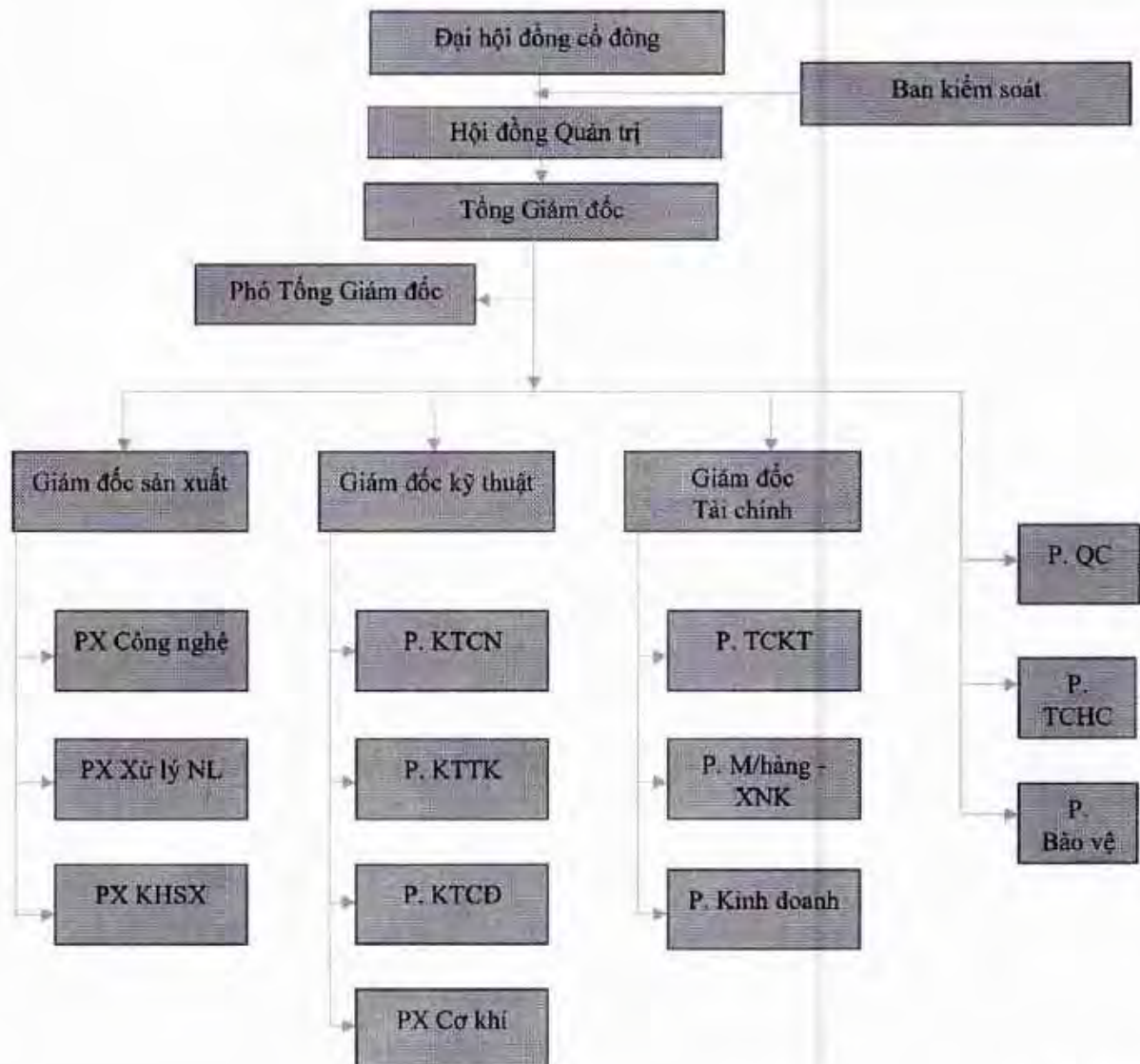


Nguồn: NHH

4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội đang áp dụng theo mô hình tổ chức của công ty cổ phần được quy định tại Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan khác. Trải qua quá trình phát triển, bộ máy quản lý của Công ty hiện nay như sau:

Hình 4: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



Nguồn: NHH

4.1. Đại Hội đồng cổ đông (ĐHDCĐ)

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- Quyết định số thành viên HĐQT;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

4.2. Hội đồng quản trị (HĐQT)

HĐQT là cơ quan quản trị của Công ty có 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay như sau:

- | | |
|-------------------------|-------------------------|
| - Ông Bùi Minh Hải | Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Bùi Thanh Nam | Thành viên HĐQT |
| - Ông Kim Ki Min | Thành viên HĐQT độc lập |
| - Bà Đỗ Thị Hương Giang | Thành viên HĐQT |
| - Bà Hòa Thị Thu Hà | Thành viên HĐQT |

4.3. Ban Kiểm soát (BKS)

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.



Cơ cấu Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay như sau:

- Ông Trần Hoa Tùng Trưởng ban
- Ông Bùi Văn Hương Thành viên
- Ông Tạ Phúc Tâm Thành viên

4.4. Ban Tổng Giám đốc (TGD)

Tổng giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty;
- Tuyển dụng lao động;
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của HĐQT

Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc của Công ty hiện nay như sau:

- Ông Bùi Thanh Nam Tổng Giám đốc
- Bà Phạm Thị Thanh Hiền Phó Tổng Giám đốc
- Bà Đỗ Thị Hương Giang Kế toán trưởng, Giám đốc Tài chính

4.5. Các phòng ban chức năng

Các phòng, ban nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc.

Phòng tổ chức hành chính

Phòng tổ chức hành chính là đơn vị chức năng thuộc Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội, chịu sự quản lý, chỉ đạo, điều hành trực tiếp của Ban TGD. Ban thực hiện các chức năng chính như sau:

- + Tuyển dụng, đánh giá và đào tạo nguồn nhân lực;
- + Lập kế hoạch và triển khai đảm bảo các chế độ đối với người lao động: lương, thưởng, ăn công nghiệp, nâng bậc, khám sức khỏe, trang bị bảo hộ lao động, ốm,...;
- + Quản lý cơ sở hạ tầng và công cụ dụng cụ văn phòng;
- + Đảm bảo công tác hành chính, môi trường, 5S, ISO, công văn;
- + Đảm bảo cơ sở vật chất của công ty: Đất đai, nhà xưởng, thiết bị khác;
- + Phụ trách các công tác về nhân sự, xây dựng tiền lương, sức khỏe, môi trường, ăn uống, ISO, 5S, các giấy tờ đi đến, văn phòng phẩm, tiếp khách và các nhiệm vụ khác được giao.

Phòng Tài chính kế toán

Phòng Tài chính kế toán trực thuộc Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội có các chức năng, nhiệm vụ chính như sau:

- + Phụ trách công tác tài chính, kế toán của Công ty.
- + Tham mưu cho lãnh đạo Công ty và tổ chức thực hiện các mặt công tác sau:
- + Hạch toán kế toán kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản, vốn chủ sở hữu, nợ phải trả; các hoạt động thu, chi tài chính và kết quả kinh doanh theo quy định nội bộ của Công ty, đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động kinh doanh.
- + Lập kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính của Công ty.
- + Tham mưu cho Lãnh đạo đơn vị chỉ đạo và thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý và chấp hành chế độ tài chính - kế toán của Nhà nước và nội bộ tại Công ty.
- + Thường xuyên kiểm tra, đối chiếu tình hình công nợ, xác định và phân loại các khoản nợ tồn đọng, phân tích khả năng thu hồi để có biện pháp xử lý kịp thời;
- + Quản lý tiền mặt và các chi phí phục vụ sản xuất, quan hệ giao dịch với ngân hàng, tổ chức tài chính, chi trả lương cho cán bộ công nhân viên, tính toán lỗ lãi, bảo toàn vốn của Công ty.

Phòng Kế hoạch sản xuất

Phòng Kế hoạch – sản xuất có chức năng, nhiệm vụ lập kế hoạch sản xuất tuần, tháng, năm, điều độ và tổ chức quản lý sản xuất, giao hàng, kết nối công ty con. Lập và giám sát Kế hoạch tổng thể triển khai sau khi ký hợp đồng.

Phòng Mua hàng – xuất nhập khẩu:

Quản lý mua vật tư, nguyên liệu, thiết bị, khuôn mẫu. Quản lý kho vật tư – Bán phẩm, quản lý nhà cung cấp, làm công tác xuất nhập khẩu cả vật tư - hàng hóa

Phòng Bán hàng

Phòng Bán hàng có chức năng chính là quản lý bán hàng (bao gồm cả nội địa – xuất nhập khẩu), lập và quản lý giá - kết nối công ty con, marketing, quản lý khách hàng, quản lý kho thành phẩm.

Phòng Kỹ thuật thiết kế

Phòng Kỹ thuật thiết kế phụ trách công tác quản lý kỹ thuật về khuôn mẫu, cụ thể như sau:

- + Tổ chức triển khai thiết kế khuôn;
- Lập phương án đối với sự cố khuôn lớn;
- Quản lý khuôn;
- + Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới;
- + Đào tạo mới và đào tạo nâng cao tay nghề cho lao động;
- + Quản lý công tác kỹ thuật công nghệ sản xuất nhựa.

Phòng Kỹ thuật công nghệ

- + Tham gia nghiên cứu, chế tạo sản phẩm mới;
- + Xây dựng tiêu chuẩn quản lý công đoạn sản xuất, quy trình công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm, dụng cụ phục vụ sản xuất, định mức lao động, định mức nguyên vật liệu, đảm bảo sản xuất ổn định;

- + Xác minh các khiếu nại về chất lượng của khách hàng, truy tìm nguyên nhân và đưa ra hành động khắc phục phòng ngừa;
- + Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và hướng dẫn các đơn vị thực hiện công tác chất lượng;
- Đào tạo mới và đào tạo nâng cao tay nghề cho lao động.

Phòng Kỹ thuật cơ điện

- + Quản lý máy, thiết bị; quản lý và thực hiện công tác kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt, thiết bị đo;
- + Đảm bảo vận hành và quản lý hệ thống cấp điện toàn Công ty;
- + Quản lý công tác cải tiến kỹ thuật, sáng kiến, quy trình quy phạm kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động;
- + Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị; chế tạo Jig, dulong, công cụ sản xuất;
- Đào tạo mới và đào tạo nâng cao tay nghề cho lao động.

Phòng Bảo vệ

- + Đảm bảo công tác bảo vệ an toàn tài sản, an ninh, phòng cháy chữa cháy và yêu cầu an toàn;
- + Kiểm soát việc xuất nhập hàng hóa, sản phẩm, tài sản, ... ra vào Công ty đúng quy định.

Phòng QC

- Kiểm tra, giám sát, thống kê lỗi, phân tích tình hình chất lượng vật tư đầu vào, sản phẩm trong và sau quá trình sản xuất;
- Kết hợp với các đơn vị nhằm khắc phục, giải quyết, phòng ngừa các vấn đề về chất lượng sản phẩm;
- Quản lý thiết bị đo kiểm, mẫu sản phẩm, dạng mẫu lỗi và thực hiện đào tạo kiểm soát lỗi.

Phân xưởng cơ khí

- Lập kế hoạch và triển khai lập trình, gia công, chế tạo khuôn;
- Sửa chữa khuôn;
- Quản lý thiết bị, lao động, vật tư, khuôn và bảo đảm vận hành máy, thống kê giờ máy theo quy định của Công ty.

Phân Xưởng xử lý nguyên liệu

- + Tổ chức triển khai kế hoạch tạo nguyên liệu đảm bảo kế hoạch sản xuất đảm bảo thời gian và chất lượng;
- + Quản lý thiết bị, lao động, vật tư, sản phẩm và thực hiện việc vận hành máy, sản xuất thanh quyết toán theo đúng quy định của Công ty;
- + Thực hiện việc đóng, kiểm hàng giao theo kế hoạch sản xuất;
- + Quản lý Tổ vận chuyển/Giao hàng; Tổ chức vận chuyển nội bộ và bốc xếp xuất nhập hàng hóa - vật tư, giao hàng tới khách hàng;
- + Quản lý, phân loại dề xê, xử lý băm chặt đảm bảo quay vòng sử dụng cho phân xưởng công nghệ.



Phân xưởng công nghệ:

- Tổ chức triển khai kế hoạch sản xuất trên các thiết bị gia công ép phun nhựa và công đoạn lắp ráp, hoàn thiện sản phẩm đảm bảo thời gian và chất lượng;
- + Quản lý thiết bị, lao động, vật tư, sản phẩm và thực hiện việc tháo lắp khuôn, vận hành máy, thanh toán theo quy định của Công ty;
- Triển khai xác lập tài liệu kỹ thuật với các sản phẩm đã sản xuất đại trà.

Với mô hình tổ chức như trên, Công ty đã và đang quản lý tốt bộ máy hoạt động của mình. Các bộ phận, phòng ban có sự liên kết, hỗ trợ cho nhau tạo nên một hệ thống vận hành và quản lý nhịp nhàng, thống nhất, có hiệu quả cao. Các kế hoạch và công tác triển khai kế hoạch được đưa xuống các bộ phận một cách kịp thời và chính xác nhờ bộ máy tổ chức đơn giản, gọn nhẹ và có hiệu quả.

5. Danh sách Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức phát hành, những Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

5.1. Công ty mẹ của tổ chức phát hành

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
- Ngày thành lập : 31/03/2017
- Địa chỉ : Lô CN 11 – CN 12, cụm CN An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ : 2.511.991.480.000 đồng
- Giấy CN ĐKDN : 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 31/03/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 01/03/2022
- HĐKD chính : Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật)
- Tỷ lệ lợi ích tại NHH : 56,23% (tại ngày 31/12/2021)
- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của APH tại NHH : 66,75% (tại ngày 31/12/2021)

5.2. Công ty con của tổ chức phát hành

Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư Viexim

- Tên Công ty : Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM
- Ngày thành lập : 10/10/2006
- Địa chỉ : Thôn Hào, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Vốn điều lệ : 20.700.000.000 đồng
- Giấy CN ĐKDN : 0900259855 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 10/10/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 29/04/2020.
- HĐKD chính : Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về nhựa
- Tỷ lệ lợi ích của NHH : 100% (tại thời điểm 31/12/2021)
- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của NHH : 100% (tại thời điểm 31/12/2021)



Công ty TNHH MTV cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam

- Tên Công ty : Công ty TNHH MTV cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam
- Ngày thành lập : 17/01/2019
- Địa chỉ : KCN Kỹ thuật cao An Phát, Km47, quốc lộ 5, Phường Việt Hòa, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ : 80.000.000.000 đồng
- Giấy CN ĐKDN : 0801277109 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 17/01/2019, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 27/01/2021.
- HDKD chính : Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại
- Tỷ lệ lợi ích của NHH : 100% (tại thời điểm 31/12/2021)
- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của NHH : 100% (tại thời điểm 31/12/2021)

Công ty TNHH An Trung Industries

- Tên Công ty : Công ty TNHH An Trung Industries
- Ngày thành lập : 28/03/2018
- Địa chỉ : KCN Kỹ thuật cao An Phát, Km47, quốc lộ 5, Phường Việt Hòa, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ : 241.000.000.000 đồng
- Giấy CN ĐKDN : 0801246654 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 28/03/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 27 tháng 01 năm 2021
- HDKD chính : Sản xuất hạt nhựa và các sản phẩm nhựa
- Tỷ lệ lợi ích của NHH : 100% (tại thời điểm 31/12/2021)
- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của NHH : 100% (tại thời điểm 31/12/2021)

Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường

- Tên Công ty : CTCP Vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường
- Ngày thành lập : 09/01/2018
- Địa chỉ : KCN Kỹ thuật cao An Phát, Km47, quốc lộ 5, Phường Việt Hòa, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ : 196.000.000.000 đồng
- Giấy CN ĐKDN : 0801238156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 09/01/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 25/05/2021
- HDKD chính : Sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất
- Tỷ lệ lợi ích của NHH : 99,18% (tại thời điểm 31/12/2021)
- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của NHH : 99,18% (tại thời điểm 31/12/2021)

6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Kể từ khi thành lập đến nay Công ty đã thực hiện 03 đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư vào các nhà máy như sau:

Bảng 2. Quá trình tăng vốn điều lệ

Thời điểm	Giá trị vốn tăng thêm (triệu đồng)	VĐL sau tăng (triệu đồng)	Hình thức	Cơ quan chấp thuận phát hành chào bán	Căn cứ pháp lý
31/10/2008	0	65.000	Chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) thông qua hình thức bán đấu giá công khai một phần vốn Nhà nước tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội để chuyển đổi Công ty TNHH MTV Nhựa Hà Nội do Nhà nước làm chủ sở hữu sang Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội: - Số lượng chào bán: 1.122.800 cổ phần - Giá khởi điểm chào bán: 10.300 đồng/cổ phần - Số lượng cổ phần chào bán thành công: 834.800 cổ phần - Giá đầu thành công bình quân: 27.958 đồng/cổ phần	- Ủy Ban nhân TP. Hà Nội - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội	- Quyết định số 4730/QĐ - UBND ngày 26/11/2007 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hoá của Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Nhựa Hà Nội. - Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 16/09/2008 của UBND TP. Hà Nội về việc chuyển đổi Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Nhựa Hà Nội thành Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/10/2008
28/01/2019	103.000	168.000	Phát hành 6.500.000 cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu. Chào bán cổ phiếu ra công chúng 3.800.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.	UBCKNN Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội	- Nghị quyết số 42/2018/NQ-DHĐCĐ ngày 23/04/2018; - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 55/GCN-UBCK ngày 16/10/2018; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100100858 đăng ký lần đầu ngày 31/10/2018, thay đổi lần thứ 03 ngày 13/02/2019.

Thời điểm	Giá trị vốn tăng thêm (triệu đồng)	VĐL sau tăng (triệu đồng)	Hình thức	Cơ quan chấp thuận phát hành chào bán	Căn cứ pháp lý
12/08/2019	176.400	344.400	Phát hành 16.800.000 cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu. Phát hành 840.000 cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty.	UBCKNN Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 số 30/2019/NQ – ĐHĐCĐ ngày 26/03/2019 - Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2019 số 458/2019/NQ – ĐHĐCĐ ngày 09/07/2019 - Công văn số 4518/UBCK – QLCB ngày 26/07/2019 của UBCKNN về việc phát hành cổ phiếu thưởng theo ESOP và tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100100858 đăng ký lần đầu ngày 31/10/2018, thay đổi lần thứ 05 ngày 16/09/2019.
12/2020	20.000	364.400	Chào bán cổ phiếu ra công chúng 2.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	UBCKNN Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2020 số 395/2020/NQ – ĐHĐCĐ ngày 13/08/2020 - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 239/GCN-UBCK ngày 20/10/2020 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100100858 đăng ký lần đầu ngày 31/10/2018, thay đổi lần thứ 07 ngày 29/12/2020.

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội



Chi tiết từng đợt tăng vốn

Đợt 01: Ngày 28/01/2019	Nội dung chi tiết
Vốn điều lệ trước phát hành:	65.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ sau phát hành:	168.000.000.000 đồng
Tỷ lệ phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:	1:1
Tỷ lệ chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền:	65:38
Tổng số lượng cổ phần phát hành:	10.300.000 cổ phần
- Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:	6.500.000 cổ phần
- Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền:	3.800.000 cổ phần
Phương thức tăng vốn	Phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu - Số lượng phát hành: 6.500.000 cổ phiếu - Tỷ lệ phân bổ quyền: 1:1 - Số lượng cổ đông được phát hành: 162 cổ đông
	Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền - Số lượng cổ phiếu chào bán: 3.800.000 cổ phiếu - Tỷ lệ phân bổ quyền mua: 65:38 - Giá chào bán: 30.000 đồng/cổ phần - Số lượng cổ đông được chào bán: 66 cổ đông
Cơ quan chấp thuận phát hành:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội
Mục đích sử dụng vốn:	Mua cổ phần do Công ty Cổ phần An Trung Industries phát hành. Bổ sung vốn lưu động: mua nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
Đợt 2: Ngày 12/08/2019	Nội dung chi tiết
Vốn điều lệ trước phát hành:	168.000.000.000
Vốn điều lệ sau phát hành:	344.400.000.000
Tỷ lệ phát hành cho cổ đông hiện hữu:	1:1
Tổng số lượng cổ phần phát hành:	17.640.000 cổ phần



- Phát hành cho cổ đông hiện hữu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:	16.800.000 cổ phần
- Phát hành cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên theo chương trình ESOP:	840.000 cổ phần
Phương thức tăng vốn:	Phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu - Số lượng phát hành: 16.800.000 cổ phiếu - Tỷ lệ phân bổ quyền: 1:1 - Số lượng cổ đông được phát hành: 206 cổ đông Phát hành cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty - Số lượng phát hành: 840.000 cổ phiếu - Số lượng cổ đông được phát hành: 2 cổ đông
Cơ quan chấp thuận phát hành:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội
Mục đích sử dụng vốn:	Tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu. Giữ lại một phần lợi nhuận để bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
Đợt 3: Ngày 03/12/2020	Nội dung chi tiết
Vốn điều lệ trước phát hành:	344.400.000.000
Vốn điều lệ sau phát hành:	364.400.000.000
Tỷ lệ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền:	861:50
Tổng số lượng cổ phần phát hành:	2.000.000 cổ phần
- Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu thông qua phương thức thực hiện quyền:	2.000.000 cổ phần
Phương thức tăng vốn:	Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền: - Số lượng cổ phiếu chào bán: 2.000.000 cổ phiếu - Tỷ lệ phân bổ quyền: 861:50 - Giá chào bán: 45.000 đồng/cổ phần - Số lượng cổ đông được chào bán: 47 cổ đông
Cơ quan chấp thuận phát hành:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội
Mục đích sử dụng vốn:	Trả nợ vay ngắn hạn ngân hàng; và Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty năm 2019 – 2021

Bảng 3: Các khoản góp vốn lớn (có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên) của Công ty từ năm 2019 cho đến nay

Đơn vị tính: VND

Công ty con/Công ty liên kết	Thời điểm thực hiện	Giá trị các khoản góp vốn	Phương thức thực hiện	Tỷ lệ trên tổng tài sản trên BCTC tại thời điểm thực hiện
Công ty TNHH An Trung Industries	Quý II/2019	80.000.000.000	Góp vốn thành lập Công ty con	11,1%
Công ty TNHH Linh kiện Nhựa ô tô Vinfast-An Phát	Quý IV/2019	104.000.000.000	Góp vốn thành lập Công ty liên doanh, liên kết	11,3%

Nguồn: NHH

Bảng 4: Các khoản thoái vốn lớn (có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên) của Công ty từ năm 2019 cho đến nay

Đơn vị tính: VND

Công ty con/Công ty liên kết	Thời điểm thực hiện	Giá trị các khoản thoái vốn	Phương thức thực hiện	Tỷ lệ trên tổng tài sản trên BCTC tại thời điểm thực hiện
Công ty TNHH Linh kiện Nhựa ô tô Vinfast-An Phát	Quý III/2020	104.000.000.000	Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp	11%

Nguồn: NHH

[Hết nội dung tại trang này]



8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 5. Cơ cấu cổ đông tại 26/10/2021

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ trên vốn điều lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	2.783	36.340.137	99,73%
Cổ đông tổ chức	15	27.034.322	74,19%
<i>Trong đó: Cổ đông tổ chức có NĐT nước ngoài nắm giữ trên 50%</i>	-	-	-
Cổ đông cá nhân	2.768	9.305.815	25,54%
II. Cổ đông nước ngoài	16	99.863	0,27%
I. Cổ đông tổ chức	5	71.138	0,20%
<i>Trong đó: Cổ đông tổ chức có NĐT nước ngoài nắm giữ trên 50%</i>	-	-	-
Cổ đông cá nhân	11	28.725	0,07%
III. Cổ phiếu quỹ	-	-	-
Tổng cộng	2.799	36.440.000	100%
Trong đó:			
- Cổ phiếu phổ thông	2.799	36.440.000	100%
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-

Nguồn: NHH

8.2. Cổ phiếu ưu đãi, trái phiếu và các loại chứng khoán khác

Không có

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định pháp luật: 100%
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Công ty (nếu có): Không có
- Ngày 23/07/2021, UBCKNN đã có công văn số 3879/UBCK-PTTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội, theo đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của NHH là 100%
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty hiện tại: 0,27% (theo danh sách cổ đông chốt ngày 26/10/2021)

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1. Các sản phẩm, dịch vụ chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm linh kiện nhựa, khuôn mẫu thuộc ngành công nghiệp hỗ trợ như: phụ tùng ô tô, xe máy, linh kiện điện - điện tử; cung cấp các hộp nhựa, pallet công nghiệp cho các ngành sản xuất công nghiệp trong nước; chế tạo khuôn mẫu, cung cấp các dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng khuôn. Đồng thời thông qua công ty con, Công ty mở rộng hoạt động sang lĩnh vực nhựa xây dựng với các sản phẩm tấm ốp nhựa tường, trần, sàn SPC, phào chỉ trang trí nội thất.

Một số hình ảnh sản phẩm của Công ty

Sản phẩm	Khách hàng
<p>Linh kiện ô tô, xe máy</p> 	     
<p>Linh kiện điều hòa, tủ lạnh, máy giặt</p> 	  
<p>Linh kiện nhựa điện thoại, điện gia dụng</p> 	     
<p>Phụ kiện đường ống, các bộ phận điện tử và ngành xây dựng</p> 	   



Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh: Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không có tính thời vụ, diễn ra thường xuyên trong năm.

Quy trình sản xuất các sản phẩm nhựa ép

Các sản phẩm linh kiện nhựa kỹ thuật được sản xuất theo công nghệ ép phun nhựa. Ép phun là phương pháp đúc tạo hình sản phẩm kết hợp công đoạn phun (nhựa nóng chảy) và ép khuôn để tạo hình dáng cho sản phẩm. Quá trình ép phun đòi hỏi phải sử dụng máy ép phun, hạt nhựa và khuôn. Quy trình ép phun trải qua 4 bước chính:

Bước 1: Nguyên liệu nhựa được gia nhiệt nóng chảy với một nhiệt độ thích hợp bằng máy ép nhựa

Bước 2: Nhựa nóng chảy được bơm vào khuôn đang ở trạng thái đông với một áp lực lớn thông qua hệ thống trục vít của máy ép nhựa

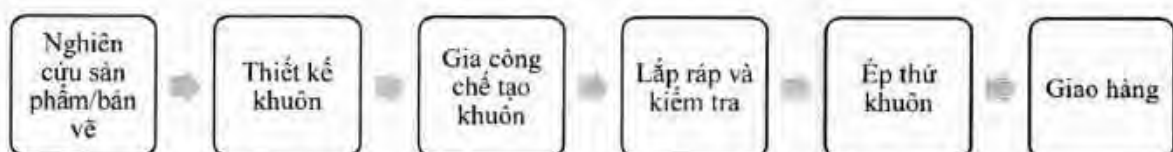
Bước 3: Làm mát khuôn để phần nhựa nóng chảy trong khuôn chuyển sang trạng thái rắn.

Bước 4: Mở khuôn để lấy sản phẩm ra ngoài.

Quy trình sản xuất khuôn

Các sản phẩm khuôn mẫu của Công ty được sản xuất theo quy trình sau:

Hình 5: Quy trình sản xuất khuôn



(Nguồn: CTCP Nhựa Hà Nội)

Bước 1: Nghiên cứu sản phẩm/bản vẽ

Sau khi nhận đơn hàng, công ty sẽ tiến hành nghiên cứu sản phẩm/bản vẽ được khách hàng cung cấp. Chúng tôi sẽ thực hiện tư vấn dưới góc độ kỹ thuật giúp khách hàng có được sản phẩm tốt nhất.

Bước 2. Thiết kế khuôn – Quy trình sản xuất khuôn nhựa

Sau khi nghiên cứu sản phẩm/bản vẽ và nắm bắt được những thông tin cần thiết của sản phẩm thì các kỹ sư thiết kế sẽ lên phương án và thiết kế khuôn. Đây là quá trình rất quan trọng trong quy trình sản xuất khuôn nhựa. Công đoạn này sẽ quyết định đến sự tối ưu sản phẩm. Công ty sở hữu đội ngũ thiết kế có nhiều kinh nghiệm, chuyên nghiệp. Sau khi đã lên được bản vẽ 3D, đội ngũ thiết kế sẽ

cùng làm việc với các bộ phận khác để đánh giá toàn diện về thiết kế, để có những điều chỉnh cho phù hợp và tối ưu nhất.

Bước 3. Gia công chế tạo khuôn

Trong quy trình sản xuất khuôn, công đoạn này cần sử dụng các máy móc thiết bị yêu cầu có độ chính xác cao để thực hiện: Gia công các bề mặt, chi tiết, lòng khuôn... trên các máy gia công chính xác như: máy phay, máy mài, máy tiện, khoan....., đánh bóng sau gia công, làm nhẵn các vết gia công, kiểm tra và xử lý vữa, làm cùn hoặc vát mép các vị trí cho phép, vệ sinh sạch sẽ. Chất lượng bề mặt sản phẩm nhựa sẽ phụ thuộc hoàn toàn vào độ bóng của lòng khuôn nên quá trình này luôn được thực hiện tỉ mỉ, chính xác.

Bước 4: Lắp ráp và Kiểm tra

Đây là bước cuối cùng để hoàn thiện quy trình sản xuất khuôn. Sau khi các chi tiết, bộ phận của khuôn được hoàn thiện thì sẽ được tiến hành lắp ráp. Trước khi lắp ráp, Công ty sẽ kiểm tra các chi tiết theo số lượng, quy cách để đảm bảo tất cả đều đạt độ chuẩn xác. Công việc lắp ráp đòi hỏi sự chính xác rất cao để khi đưa vào hoạt động khuôn sẽ tạo ra những sản phẩm hiệu quả. Các tấm khuôn, lõi, đế, vỏ khuôn sẽ được lắp vào thành một bộ khuôn hoàn chỉnh.

Bước 5. Ép thử khuôn

Nhằm đảm bảo khuôn hoạt động tốt và đáp ứng yêu cầu của khách hàng, khuôn sẽ được vận hành thử sau khi đã lắp ráp hoàn thiện. Quy trình sản xuất khuôn nhựa sẽ hoàn thành nếu sản phẩm ép thử đạt yêu cầu.

Bước 6. Giao khuôn ép nhựa cho khách hàng

Sau khi được hoàn thiện, trải qua các quy trình kiểm định chất lượng, sản phẩm được giao cho khách hàng. Chúng tôi cam kết đảm bảo chất lượng theo yêu cầu và giao hàng đúng hạn theo đúng thời gian hợp đồng.

Quy trình sản xuất tấm ốp tường/sàn SPC

Các sản phẩm tấm ốp nhựa tường, sàn, phào chỉ trang trí được sản xuất theo công nghệ ép đùn. Quy trình sản xuất cụ thể như sau:

Hình 6: Quy trình sản xuất



(Nguồn: CTCP Nhựa Hà Nội)

Bước 1: Trộn nguyên liệu: Các loại nguyên liệu sẽ được trộn theo như tỷ lệ đã được xác nhận trong bảng Tỷ lệ trộn theo yêu cầu của khách hàng sau đó được đưa vào máy trộn để trộn, đảm bảo các nguyên liệu được trộn đều, đáp ứng yêu cầu về chất lượng sản phẩm.

Bước 2: Đưa nguyên liệu vào máy đùn trực vít: Công nhân sẽ sử dụng nguyên liệu được trộn để đưa vào máy đùn trực vít theo đúng như yêu cầu của các tổ trưởng. Tại đây người công nhân sẽ điều khiển nhiệt, điều khiển gió và các cách thức để tạo ra tấm có chiều rộng, và độ dày theo yêu cầu.

Bước 3: Các tấm nhựa thành phẩm sẽ được đi tiếp đến hệ thống máy định hình chân không. Tại đây, sản phẩm được làm mát và tiếp tục được chuyển sang hệ thống kéo và cắt.

Bước 4: Các sản phẩm sẽ được đi qua hệ thống máy cắt để cắt thành tấm theo kích thước quy định (thông thường mỗi tấm có chiều dài 2800mm)

Bước 5: Sản phẩm sau khi được cắt thành các tấm sẽ được chuyển sang bộ phận dán phủ màng. Sản phẩm tấm nhựa dán màng là sản phẩm tiêu chuẩn cơ bản trong hệ thống sản xuất. Để đạt được các sản phẩm ở mức độ chất lượng cao hơn, sau khi dán màng, các tấm nhựa sẽ tiếp tục được phủ bóng, tráng gương bề mặt, in 3D theo yêu cầu.

10.1.2. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ qua các năm

Doanh thu, lợi nhuận của Công ty đến từ 03 hoạt động kinh doanh cụ thể:

- Sản xuất các thành phẩm – sản phẩm do Công ty và Công ty con sản xuất bao gồm: sản phẩm phụ tùng ô tô, xe máy; linh kiện điện – điện tử, phụ kiện ngành điện tử viễn thông, khuôn đúc, tấm ốp trần, sàn, tường, phào chỉ trang trí nội thất.
- Cung cấp dịch vụ cho thuê và sửa chữa khuôn;
- Kinh doanh thương mại hạt nhựa;

Bảng 6. Sản lượng theo các loại thành phẩm qua các năm

TT	Loại sản phẩm	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Sản phẩm nhựa kỹ thuật	Chi tiết	109.106.781	111.381.379	127.670.589
2	Khuôn	Cái	33	96	99
3	Tấm ốp, phào PVC*	m ²	-	775.645	428.400
4	Sàn SPC*	m ²	-	1.253.385	3.006.963

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

* Sản phẩm nhựa xây dựng của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Công nghệ cao An Cường, trở thành công ty con của NHH từ tháng 12/2020.

Bảng 7. Cơ cấu doanh thu hợp nhất qua các năm

TT	Chi tiết	2019		2020		2021	
		Doanh thu (triệu VND)	% doanh thu thuần	Doanh thu (triệu VND)	% doanh thu thuần	Doanh thu (triệu VND)	% doanh thu thuần
1	Sản xuất sản phẩm nhựa kỹ thuật, khuôn mẫu, nhựa xây dựng	1.147.313	93,09%	1.045.105	98,1%	2.023.255	96,75%
2	Thương mại hạt nhựa	76.454	6,2%	11.345	1,06%	54.680	2,61%
3	Doanh thu công trình	-	-	-	-	2.427	0,12%
4	Cung cấp dịch vụ	8.771	0,71%	8.942	0,84%	10.859	0,52%
5	Khác	-	-	2	0	18	0
	Tổng cộng	1.232.538	100%	1.065.394	100%	2.091.286	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Q4/2021 tự lập

Bảng 8: Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất qua các năm

TT	Chi tiết	2019		2020		2021	
		Lợi nhuận gộp (triệu VND)	% lợi nhuận gộp	Lợi nhuận gộp (triệu VND)	% lợi nhuận gộp	Lợi nhuận gộp (triệu VND)	% lợi nhuận gộp
1	Sản xuất sản phẩm nhựa, khuôn mẫu	152.203	95,71%	170.291	99,19%	361.325	99,56%
2	Thương mại hạt nhựa	1.848	1,16%	(393)	-0,23%	(3.207)	-0,88%
3	Cung cấp dịch vụ	4.972	3,13%	2.267	1,32%	3.677	1,01%
4	Khác	-	-	(480)	-0,28%	1.126	0,31%
	Tổng cộng	159.023	100%	171.684	100%	362.939	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Q4/2021 tự lập

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được triển khai tại 05 nhà máy như sau:

Nhà máy 01: Nhà máy tại Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Chủ đầu tư: Công ty Cổ Phần Nhựa Hà Nội

Vị trí nhà máy: Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, TP. Hà Nội

Diện tích khu đất xây dựng nhà máy: 23.126 m².

Quy mô sản xuất và kinh doanh: Sản xuất các sản phẩm thuộc ngành công nghiệp hỗ trợ như: phụ tùng ô tô, xe máy; phụ kiện ngành điện tử viễn thông; phụ kiện ngành xây dựng; phụ kiện cho sản phẩm điều hòa; ...



Năm chính thức đi vào hoạt động: 1972

Quy mô của nhà máy: 65 máy ép nhựa; 10 trung tâm gia công khuôn

Công suất thiết kế: 6.000 tấn sản phẩm/năm - Công suất hoạt động hiện nay: 80%

Nhà máy của NHH với 3 phân xưởng chính: Phân xưởng Xử lý nguyên liệu; Phân xưởng Cơ khí và Phân xưởng Công nghệ.

- + Phân xưởng Xử lý nguyên liệu: Nhiệm vụ chủ yếu của phân xưởng Xử lý nguyên liệu là thực hiện công nghệ sản xuất tạo hạt nguyên liệu, phục vụ sản xuất sản phẩm nhựa. Bên cạnh đó, phân xưởng sẽ luôn đảm bảo mọi quy trình sản xuất trong giai đoạn này phải đáp ứng tiêu chuẩn của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000 và hệ thống quản lý môi trường TCVN ISO 14000
- + Phân xưởng Cơ khí: Đây là phân xưởng tổ chức triển khai công tác gia công chế tạo khuôn, sửa chữa và bảo dưỡng khuôn mẫu theo yêu cầu của các đơn vị liên quan, lắp đặt thiết bị sản xuất theo đúng tiến độ, kế hoạch của Công ty.
- + Phân xưởng Công nghệ: Tại phân xưởng này, các kế hoạch sản xuất của công ty được thực hiện chính xác trên các máy gia công sản phẩm nhựa đồng thời lắp ráp, hoàn thiện sản phẩm đảm bảo thời gian và chất lượng cao nhất theo yêu cầu của khách hàng.

Bảng 9. Sản lượng tại nhà máy NHH

TT	Loại sản phẩm	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Sản phẩm nhựa	Chi tiết	48.576.166	53.736.256	41.361.471
2	Khuôn	Cái	33	34	31

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Nhà máy 02: Nhà máy tại Công ty TNHH phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM (Nhà máy VIEXIM)

Chủ đầu tư: Công ty TNHH phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM

Vị trí nhà máy: Thôn Hào, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Diện tích khu đất xây dựng nhà máy: 23.089 m².

Quy mô sản xuất và kinh doanh: Sản xuất các sản phẩm thuộc ngành công nghiệp hỗ trợ như: phụ tùng ô tô, xe máy; phụ kiện ngành điện tử viễn thông; phụ kiện ngành xây dựng; phụ kiện cho sản phẩm điều hòa;...

Năm chính thức đi vào hoạt động: 2012 - Quy mô của nhà máy: khoảng 50 máy ép nhựa

Công suất thiết kế: 3.000 tấn sản phẩm/năm - Công suất hoạt động hiện nay: 85%

Nhà máy VIEXIM có 2 phân xưởng chính: Xử lý nguyên liệu và Công nghệ.

Bảng 10. Sản lượng tại nhà máy VIEXIM

TT	Loại sản phẩm	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Sản phẩm nhựa	Chi tiết	32.130.840	32.294.775	36.267.722

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội



Nhà máy 03: Nhà máy tại Công ty TNHH An Trung Industries (Nhà máy An Trung Industries)

Chủ đầu tư: Công ty TNHH An Trung Industries

Vị trí nhà máy: Khu Công Nghiệp kỹ thuật Cao An Phát, Km47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Diện tích khu đất xây dựng nhà máy: 18.438 m².

Quy mô sản xuất và kinh doanh: Sản xuất các sản phẩm nhựa cho ngành điện – điện tử; các sản phẩm nhựa sinh học phân hủy hoàn toàn như: dao, thìa, đĩa, ống hút,....

Năm chính thức đi vào hoạt động: 2019

Quy mô của nhà máy: Hiện nhà máy có khoảng 40 máy ép nhựa

Công suất thiết kế: 1.000 tấn sản phẩm/năm - Công suất hoạt động hiện nay: khoảng 75%

Bảng 11: Sản lượng tại nhà máy An Trung Industries

TT	Loại sản phẩm	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Sản phẩm nhựa cho ngành điện – điện tử	Chi tiết	28.399.775	25.350.348	50.041.396

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Nhà máy 04: Nhà máy tại Công ty TNHH một thành viên cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam (VMC)

Chủ đầu tư: Công ty TNHH một thành viên cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam

Vị trí nhà máy: Khu Công Nghiệp kỹ thuật Cao An Phát, Km47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Diện tích khu đất thuê: 3.200 m².

Quy mô sản xuất và kinh doanh: Sản xuất khuôn mẫu phục vụ ngành nhựa.

Năm chính thức đi vào hoạt động: 2019

Quy mô của nhà máy: Hiện nhà máy có khoảng 10 trung tâm gia công

Công suất thiết kế: 80 bộ khuôn/năm - Công suất hoạt động hiện nay: khoảng 75%

Bảng 12: Sản lượng tại nhà máy VMC

TT	Loại sản phẩm	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Khuôn	Cái	-	63	68

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Nhà máy 05: Nhà máy tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường

Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường

Tổng vốn đầu tư: 208 tỷ đồng

Vị trí nhà máy: KCN kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Diện tích khu đất xây dựng nhà máy: 28.000 m²



Quy mô sản xuất và kinh doanh: Sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất: Sản phẩm khóa SPC, tấm ốp tường, phào PVC,...

Năm chính thức đi vào hoạt động: 2018

Công suất thiết kế: 1 triệu m² tấm ốp PVC/năm, 3 triệu m² sản phẩm SPC/năm

Công suất hoạt động hiện nay: khoảng 75%

Bảng 13. Sản lượng tại Nhà máy An Cường

TT	Loại sản phẩm	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Tấm ốp, phào PVC	m ²	1.040.544	775.645	428.400
2	Sản phẩm SPC	m ²	32.119	1.253.385	3.006.963

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

10.2. Tài sản thuộc sở hữu Công ty

Bảng 14. Giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
Công ty mẹ			
Tài sản cố định hữu hình	622.903.225.678	154.346.087.807	24,78%
Nhà cửa, vật kiến trúc	70.966.400.748	6.009.193.067	8,47%
Máy móc, thiết bị	517.684.325.185	141.108.296.132	27,26%
Phương tiện vận tải	28.897.458.517	6.033.195.712	20,88%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5.355.041.228	1.195.402.896	22,32%
Tài sản cố định thuê tài chính	18.393.161.245	17.225.220.949	93,65%
Máy móc, thiết bị	17.973.161.245	16.815.837.616	93,56%
Phương tiện vận tải	420.000.000	409.383.333	97,47%
Tài sản cố định vô hình	10.308.004.411	5.101.538.627	49,49%
Phần mềm máy vi tính	10.308.004.411	5.101.538.627	49,49%
Hợp nhất			
Tài sản cố định hữu hình	1.330.140.844.366	746.613.941.176	56,13%
Nhà cửa, vật kiến trúc	343.663.918.946	226.861.266.864	66,01%
Máy móc và thiết bị	933.554.461.646	501.283.534.265	53,70%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	46.232.336.037	16.676.014.241	36,07%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	6.690.127.737	1.793.125.806	26,80%

Chi tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
Tài sản cố định thuê tài chính	151.227.306.839	129.864.367.289	85,87%
Máy móc, thiết bị	150.327.306.839	128.982.983.956	85,80%
Phương tiện vận tải	900.000.000	881.383.333	97,93%
Tài sản cố định vô hình	13.548.949.411	7.271.503.649	53,67%
Phần mềm máy tính	13.548.949.411	7.271.503.649	53,67%

Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất Q4/2021 tự lập

Bảng 15. Danh sách đất đai, nhà xưởng tại ngày 31/12/2021

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Loại hình	Thời hạn sử dụng còn lại	Mục đích
1	Thôn Hào, xã Liêu Xá, Huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	23.089	Đất thuê trả tiền hàng năm	32 năm	Xây dựng nhà máy VIEXIM
2	Tổ 12 phường Phúc Lợi, quận Long Biên, TP. Hà Nội	23.126	Đất thuê trả tiền hàng năm (Công ty đã trả tiền 1 lần cho toàn bộ thời gian thuê với diện tích là 19.880 m ²)	26 năm	Xây dựng nhà máy CTCP Nhựa Hà Nội
3	KCN kỹ thuật Cao An Phát, Km47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương	3.168	Đất Công ty An Vinh thuê trả tiền 1 lần, sau đó cho Công ty TNHH MTV cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu thuê lại, tiền thuê trả theo tháng	08 năm	Xây dựng Nhà máy VMC
4	KCN kỹ thuật Cao An Phát, Km47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương	9.208,08	Đất thuê trả tiền 1 lần	35 năm	Xây dựng Nhà máy An Trung Industries
5	KCN kỹ thuật Cao An Phát, Km47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương	27.901,55	Đất thuê trả tiền 1 lần	36 năm	Xây dựng Nhà máy An Cường

Nguồn: NHH



10.3. Thị trường hoạt động

Bảng 16: Cơ cấu doanh thu hợp nhất theo thị trường hoạt động

	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Giá trị (đồng)	% Doanh thu	Giá trị (đồng)	% Doanh thu	Giá trị (đồng)	% Doanh thu
Trong nước	1.189.317.905.068	96%	1.017.935.743.990	96%	1.329.607.128.620	64%
Nước ngoài	43.435.609.120	4%	47.458.970.123	4%	761.660.756.508	36%
Tổng cộng	1.232.753.514.188	100%	1.065.394.714.113	100%	2.091.267.885.128	100%

Nguồn: NHH

Bảng 17. Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất theo thị trường hoạt động

	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Giá trị (đồng)	% Lợi nhuận	Giá trị (đồng)	% Lợi nhuận	Giá trị (đồng)	% Lợi nhuận
Trong nước	155.222.122.417	98%	168.275.718.909	98%	130.546.460.193	36%
Nước ngoài	3.801.008.330	2%	3.408.610.011	2%	232.374.969.365	64%
Tổng cộng	159.023.130.747	100%	171.684.328.920	100%	362.921.429.558	100%

Nguồn: NHH

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

a) Tình hình đầu tư tài chính

Tính đến 31/12/2021 báo cáo tài chính của Công ty ghi nhận đã đầu tư 458.230.000.000 đồng vào các công ty con như sau:

Bảng 18. Các khoản đầu tư tài chính của Công ty

DVT: đồng

Chỉ tiêu	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con			
Công ty TNHH An Trung Industries	100%	241.010.000.000	227.676.122.059
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	100%	80.000.000.000	69.349.384.884
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Công nghệ cao An Cường	99,18%	107.760.000.000	107.760.000.000
Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM	100%	29.460.000.000	29.460.000.000

Nguồn: BCTC riêng Q4/2021 tự lập

b) Tình hình đầu tư nhà xưởng, máy móc thiết bị

Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội và các Công ty con trực thuộc đã đầu tư xây dựng 5 nhà máy sản xuất, bao gồm:

- (1) Nhà máy của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội, nhà máy này được xây dựng trên khu đất tại Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, TP. Hà Nội với diện tích đất xây dựng là 23.126 m², chuyên sản xuất các sản phẩm thuộc ngành công nghiệp phụ trợ như: phụ tùng ô tô, xe máy; phụ kiện ngành điện tử viễn thông; phụ kiện ngành xây dựng; phụ kiện cho sản phẩm điều hòa;... Nhà máy này chính thức đi vào hoạt động năm 1972 và hiện nhà máy có khoảng 65 máy ép nhựa, 10 trung tâm gia công khuôn với công suất thiết kế là 6.000 tấn sản phẩm/năm, công suất hoạt động hiện tại là 80%.
- (2) Nhà máy tại Công ty TNHH phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM (Nhà máy Viexim), nhà máy này có vị trí tại Hưng Yên và được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích là 23.089 m², chuyên sản xuất các sản phẩm thuộc ngành công nghiệp hỗ trợ như: phụ tùng ô tô, xe máy; phụ kiện ngành điện tử viễn thông; phụ kiện ngành xây dựng; phụ kiện cho sản phẩm điều hòa;.... Nhà máy này chính thức đi vào hoạt động năm 2012 và hiện tại có quy mô khoảng 50 máy ép nhựa, có công suất thiết kế 3.000 tấn sản phẩm/năm và công suất hoạt động hiện nay là 85%.
- (3) Nhà máy tại Công ty TNHH An Trung Industries (Nhà máy An Trung Industries), nhà máy này được xây dựng tại Hải Dương với tổng diện tích đất xây dựng là 9.208,08 m², nhà máy chính thức đi vào hoạt động từ quý 3/2019, chuyên sản xuất các sản phẩm nhựa cho ngành điện – điện tử, các sản phẩm nhựa sinh học phân hủy hoàn toàn như: dao, thìa, đĩa, ống hút,... Hiện nay nhà máy đã được đầu tư khoảng 40 máy ép nhựa, có công suất thiết kế 1.000 tấn sản phẩm/năm, hiện nhà máy hoạt động khoảng 75% công suất.
- (4) Nhà máy tại Công ty TNHH MTV cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam (VMC), được đầu tư xây dựng tại Hải Dương trên khu đất có tổng diện tích 3.168 m². Nhà máy này chính thức đi vào hoạt động từ quý 4/2019, chuyên sản xuất khuôn mẫu phục vụ ngành nhựa, hiện nay nhà máy có khoảng 10 trung tâm gia công, có công suất thiết kế 80 bộ khuôn/năm, công suất hoạt động hiện nay đạt 75%.
- (5) Nhà máy tại Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường: Nhà máy được xây dựng tại Hải Dương trên khu đất có tổng diện tích 27.901,55 m² với tổng mức đầu tư là 208 tỷ đồng. Nhà máy này chính thức đi vào hoạt động từ năm 2018, chuyên sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất: sàn hèm khóa SPC, tấm ốp tường, phào PVC;.... Công suất thiết kế là 1 triệu m² tấm ốp PVC/năm, 3 triệu m² sàn SPC/năm; công suất hoạt động hiện nay là 75%. Tính đến hiện tại, tất cả các nhà máy của Công ty đều đã đi vào hoạt động ổn định, góp phần gia tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.

10.5. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 19: Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

TT	Đối tác	Tên hợp đồng	Sản phẩm	Giá trị sau thuế (triệu VND)	Ngày ký hợp đồng	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông lớn
1	Công ty Honda Việt Nam	Hợp đồng nguyên tắc	Phụ tùng ô tô, xe máy	664.297	16/06/2009	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên	Không
2	Công ty TNHH Piaggio Việt Nam	Hợp đồng nguyên tắc	Phụ tùng xe máy	61.897	01/04/2014	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên	Không
3	Công ty TNHH Panasonic Appliances tại Hưng Yên	Hợp đồng nguyên tắc	Linh kiện máy giặt	32.745	01/04/2016	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên	Không
4	Công ty ô tô TOYOTA Việt Nam	Hợp đồng nguyên tắc	Phụ tùng ô tô	20.495	01/04/2012	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên, vẫn đang còn hiệu lực	Không
5	Công ty phụ tùng xe máy ô tô Goshi Thăng Long	Hợp đồng nguyên tắc	Phụ tùng xe máy	59.165	22/08/2006	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên	Không
6	Công ty Honda Lock	Hợp đồng nguyên tắc	Phụ tùng xe máy	5.872	10/07/2010	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu	Không

TT	Đối tác	Tên hợp đồng	Sản phẩm	Giá trị sau thuế (triệu VNĐ)	Ngày ký hợp đồng	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông lớn
7	Công ty TNHH SX và kinh doanh Vinfast	Hợp đồng khung mua bán hàng hóa	Phụ tùng xe máy	7.226	31/06/2018	02 năm và tự động gia hạn	Không
8	Công ty TNHH DongJin Techwin Vina	Hợp đồng nguyên tắc	Điện, điện tử	18.508	05/01/2021	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu	Không.
9	Công ty TNHH Toyota Boshoku Hà Nội	Hợp đồng nguyên tắc	Phụ tùng ô tô	13.079	22/07/2020	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu từ các bên	Không
10	Công ty TNHH sản xuất Linh kiện nhựa Thaco	Hợp đồng nguyên tắc	Phụ tùng xe máy	8.743	01/05/2020	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu	Không
11	Công ty TNHH WOJEON Việt Nam	Hợp đồng nguyên tắc	Điện, điện tử	9.558	01/03/2021	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu	Không
12	Công ty TNHH Astra Visteon Việt Nam	Hợp đồng nguyên tắc	Phụ tùng xe máy	8.513	01/07/2019	01 năm và tự động gia hạn nếu không có yêu cầu	Không

Nguồn: NHH

[Hết nội dung tại trang này]

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Bảng 20: Danh sách khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty năm 2019

TT	Tên đối tác	Sản phẩm	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông lớn
I	Khách hàng				
1	Công ty Honda Việt Nam	Phụ tùng xe máy	53%	Năm 2019	Không
2	Công ty TNHH Piaggio Việt Nam	Phụ tùng xe máy	5%	Năm 2019	Không
3	Công ty ô tô Toyota Việt Nam	Phụ tùng xe máy	3%	Năm 2019	Không
4	Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh VINFAST	Phụ tùng ô tô	3%	Năm 2019	Không
5	Công ty TNHH Panasonic System Networks Việt Nam	Điện, điện tử	2%	Năm 2019	Không
6	SANKO PLASTICS CO., LTD	Phụ kiện đường ống	1%	Năm 2019	Không
7	Công ty TNHH Honda Trading Việt Nam	Phụ tùng xe máy	1%	Năm 2019	Không
8	Nhà máy sản xuất phụ tùng và lắp ráp xe máy Công ty VMEP	Phụ tùng xe máy	1%	Năm 2019	Không
II	Nhà cung cấp				
1	Công ty TNHH Honda Trading Việt Nam	Hạt nhựa	41%	Năm 2019	Không
2	Công ty TNHH INABATA việt nam	Hạt nhựa	10%	Năm 2019	Không
3	Công ty TNHH Linh Trung ES	Linh phụ kiện	8%	Năm 2019	Không
4	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Min-Han Việt Nam	Hạt nhựa	7%	Năm 2019	Không
5	Công ty Cổ phần phát triển Phú Khang	Hạt nhựa	7%	Năm 2019	Không
6	Công ty TNHH Resinoplast Việt Nam	Hạt nhựa	6%	Năm 2019	Không
7	Công ty TNHH SUMITOMO CORPORATION Việt Nam	Hạt nhựa	6%	Năm 2019	Không

TT	Tên đối tác	Sản phẩm	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông lớn
8	Công ty TNHH Nhựa Titan Việt Nam	Hạt nhựa	6%	Năm 2019	Không
9	Công ty TNHH Toyota Tsusho Việt Nam	Hạt nhựa	6%	Năm 2019	Không
10	Công ty TNHH Cơ khí chính xác Minh Tùng	Linh phụ kiện	2%	Năm 2019	Không

Nguồn: NHH

Bảng 21: Danh sách khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty năm 2020

TT	Tên đối tác	Sản phẩm	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông lớn
I	Khách hàng				
1	Công ty Honda Việt Nam	Phụ tùng xe máy	55%	Năm 2020	Không
2	Công ty TNHH Piaggio Việt Nam	Phụ tùng xe máy	6%	Năm 2020	Không
3	Công ty ô tô Toyota Việt Nam	Phụ tùng xe máy	4%	Năm 2020	Không
5	Công ty TNHH Panasonic System Networks Việt Nam	Điện, điện tử	2%	Năm 2020	Không
6	SANKO PLASTICS CO., LD	Phụ tùng ô tô	1%	Năm 2020	Không
7	Công ty TNHH Honda Trading Việt Nam	Phụ tùng xe máy	1%	Năm 2020	Không
8	Nhà máy sản xuất phụ tùng và lắp ráp xe máy Công ty VMEP	Phụ tùng xe máy	1%	Năm 2020	Không
II	Nhà cung cấp				
1	Công ty TNHH Honda Trading Việt Nam	Hạt nhựa	31%	Năm 2020	Không
2	Công ty TNHH INABATA Việt Nam	Hạt nhựa	15%	Năm 2020	Không
3	Công ty TNHH WESTLAKE COMPOUNDS Việt Nam	Hạt nhựa	15%	Năm 2020	Không
4	Công ty TNHH SUMITOMO CORPORATION Việt Nam	Hạt nhựa	10%	Năm 2020	Không

TT	Tên đối tác	Sản phẩm	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông lớn
5	Công ty TNHH Nhựa Titan Việt Nam	Hạt nhựa	8%	Năm 2020	Không
6	Công ty TNHH Linh Trung ES	Linh phụ kiện	8%	Năm 2020	Không
7	Công ty TNHH Toyota Tsusho VN	Hạt nhựa	7%	Năm 2020	Không
8	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Min-Han Việt Nam	Hạt nhựa	4%	Năm 2020	Không
9	Công ty TNHH Cơ khí chính xác Minh Tùng	Hạt nhựa	3%	Năm 2020	Không

Nguồn: NHH

Bảng 22: Danh sách khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty năm 2021

TT	Tên đối tác	Sản phẩm	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông lớn
I	Khách hàng				
1	Công ty Honda Việt Nam	Phụ tùng xe máy	55.83%	Năm 2021	Không
2	Công ty TNHH Piaggio Việt Nam	Phụ tùng xe máy	5.09%	Năm 2021	Không
3	Công ty TNHH Phụ tùng xe máy - ô tô Goshi Thăng Long	Phụ tùng xe máy	5.05%	Năm 2021	Không
5	CN Công ty TNHH Panasonic Appliances Việt Nam tại Hưng Yên	Điện, điện tử	2.75%	Năm 2021	Không
6	Công ty ô tô Toyota Việt Nam	Phụ tùng ô tô	1.71%	Năm 2021	Không
7	SANKO PLASTICS CO., LTD	Phụ kiện đường ống	1.71%	Năm 2021	Không
8	Công ty TNHH Panasonic System Networks Việt Nam	Điện, Điện tử	1.23%	Năm 2021	Không
9	Công ty TNHH TOYOTA BOSHOKU Hà Nội	Phụ tùng ô tô	1.11%	Năm 2021	Không
10	Công ty TNHH Astra Visteon Việt Nam	Phụ tùng ô tô	0.91%	Năm 2021	Không
II	Nhà cung cấp				

TT	Tên đối tác	Sản phẩm	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông lớn
1	Công ty TNHH Honda Trading Việt Nam	Hạt nhựa	10.88%	Năm 2021	Không
2	Công ty TNHH INABATA Việt Nam	Hạt nhựa	6.89%	Năm 2021	Không
3	Công ty TNHH Công Nghiệp và Dịch Vụ Bình Minh	Hạt nhựa	3.22%	Năm 2021	Không
4	Công ty TNHH SUMITOMO CORPORATION Việt Nam	Hạt nhựa	5.74%	Năm 2021	Không
5	Công ty TNHH Nhựa Titan Việt Nam	Hạt nhựa	2.49%	Năm 2021	Không
6	Công ty TNHH Linh Trung ES	Linh phụ kiện	2.05%	Năm 2021	Không
7	Công ty TNHH SIK VN	Hạt nhựa	3.23%	Năm 2021	Không
8	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Min-Han Việt Nam	Hạt nhựa	2.63%	Năm 2021	Không
9	Công ty TNHH PANASONIC Việt Nam	Hạt nhựa	1.91%	Năm 2021	Không

Nguồn: NHH

10.7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Vị thế của Công ty trong ngành

Theo số liệu của Cục Công nghiệp – Bộ Công thương, tính đến cuối năm 2021 có gần 3.900 doanh nghiệp tham gia trong ngành công nghiệp hỗ trợ. Hà Nội có khoảng 900 doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, trong đó chỉ có khoảng 400 doanh nghiệp có hệ thống sản xuất và sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế, đủ năng lực cung ứng tham gia vào mạng lưới sản xuất toàn cầu của các tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam.

Theo các chuyên gia kinh tế, ngành công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam mới chỉ ở giai đoạn sơ khai và còn nhiều yếu kém, chưa đáp ứng được yêu cầu của ngành công nghiệp chế tạo, lắp ráp, đặc biệt là cung cấp linh kiện cho các doanh nghiệp, các tập đoàn có vốn đầu tư nước ngoài. Hơn nữa, số lượng doanh nghiệp chuyên về công nghiệp hỗ trợ, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế và kinh nghiệm trong ngành còn ít. Đồng thời, không có nhiều doanh nghiệp có chiến lược phát triển dài hạn để có thể đầu tư chiều sâu về thiết bị, công nghệ, quản lý, cũng như nhân lực². Thông tin của các doanh nghiệp tham gia trong ngành còn hạn chế, do hầu hết là doanh nghiệp tư nhân, có quy mô vừa và nhỏ.

Trong bối cảnh đó, Nhựa Hà Nội với kinh nghiệm 50 năm hoạt động trong ngành, năng lực cung ứng được khẳng định nhờ tập khách hàng lâu năm bao gồm các doanh nghiệp FDI lớn như Honda

² <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/824489/phat-trien-cong-nghiep-ho-tro-viet-nam-gan-voi-chuoi-gia-tri-toan-cau.aspx>

Việt Nam, Toyota Việt Nam, Panasonic... đã xây dựng được vị thế, uy tín là một trong các doanh nghiệp hàng đầu trong ngành công nghiệp hỗ trợ tại miền Bắc. Năm 1996, Công ty NHH đã vượt qua các doanh nghiệp FDI hoạt động trong cùng lĩnh vực cung ứng phụ tùng xe máy để trở thành nhà cung cấp 1 của Honda tại Việt Nam. Từ đó đến nay, Công ty đóng vai trò quan trọng trong chuỗi cung cấp phụ tùng ô tô xe máy cho các thương hiệu lớn như Honda, SYM, Ford Việt Nam, Toyota, LG. Thêm vào đó, Công ty đã phát triển thêm nhiều ngành hàng như điện – điện tử, phụ tùng ô tô, các linh kiện cho ngành xây dựng, khuôn mẫu chính xác, kích thước lớn, cung cấp cho Panasonic, LG Việt Nam, Toyota Việt Nam và các tập đoàn tại Nhật Bản (Lixil Group, Housotec, Hashimoto, Shoden Corp.). Các sản phẩm nhựa kỹ thuật và khuôn mẫu phục vụ ngành nhựa của Công ty nhiều năm liền được UBND Thành phố Hà Nội công nhận là sản phẩm chủ lực của Thành phố, khách hàng của Công ty chiếm tới 90% là khách hàng có yếu tố nước ngoài. Bên cạnh đó, lợi thế cạnh tranh lớn của Công ty so với các doanh nghiệp cung ứng linh kiện nhựa khác là vừa có xưởng khuôn đủ thiết kế chế tạo khuôn, vừa có xưởng nhựa lớn để chế tạo sản phẩm. Nhờ đó Công ty có thể chủ động thiết kế, chế tạo, bảo trì, bảo dưỡng, tiết kiệm thời gian, chi phí cho khách hàng.

Triển vọng phát triển của ngành

a. Triển vọng ngành nhựa nói chung

Theo Hiệp hội Nhựa Việt Nam, với mức tăng trưởng từ 16 - 18% trong 5 năm trở lại đây, ngành nhựa hiện chỉ đứng sau ngành viễn thông, dệt may và là ngành khá hấp dẫn. Số lượng doanh nghiệp tham gia vào ngành tăng, đã làm cho tình hình cạnh tranh ngày càng quyết liệt. Tính trên cả nước hiện có khoảng gần 2.000 doanh nghiệp nhựa đang hoạt động. Số lượng doanh nghiệp nội vẫn đang chiếm ưu thế với 85%. Thế nhưng, khi xét về chất lượng đầu tư thì ngược lại. Hiện doanh nghiệp ngoại tuy chỉ có khoảng 15% số lượng nhưng lại chiếm tới 40% tổng đầu tư toàn ngành với trang thiết bị máy móc, công nghệ thuộc dạng hiện đại nhất hiện nay. Nguồn nhân lực tham gia tại nhà máy của họ cũng có tay nghề cao và trình độ hơn hẳn nguồn nhân lực đang hoạt động tại các doanh nghiệp nội.

Ngành nhựa được dùng làm vật liệu sản xuất cho nhiều loại vật dụng, góp phần quan trọng vào phục vụ đời sống con người cũng như phục vụ cho sự phát triển của nhiều ngành và lĩnh vực kinh tế khác như: điện - điện tử, viễn thông, giao thông vận tải, thủy sản, nông nghiệp v.v. Cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ, nhựa còn được ứng dụng và trở thành vật liệu thay thế cho những vật liệu truyền thống tương chừng như không thể thay thế được là gỗ, kim loại, silicat v.v. Do đó, ngành công nghiệp nhựa ngày càng có vai trò quan trọng trong đời sống cũng như nền sản xuất của các quốc gia.

Theo quy hoạch phát triển ngành nhựa Việt Nam đến năm 2020 tầm nhìn 2025 đã được Bộ Công Thương phê duyệt, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành công nghiệp đến năm 2020 đạt 17,5%, tỷ trọng ngành nhựa so với toàn ngành công nghiệp đến năm 2020 đạt 5,5%. Theo đó, mục tiêu phát triển ngành nhựa Việt Nam đến năm 2025 sẽ trở thành một ngành kinh tế mạnh với tốc độ tăng trưởng cao và bền vững, từng bước xây dựng và phát triển ngành nhựa đồng bộ từ sản xuất nguyên

liệu đến chế biến sản phẩm cuối cùng, tận dụng và xử lý phế liệu phát sinh, tăng dần tỷ trọng nguyên liệu trong nước để trở thành ngành công nghiệp tự chủ, có khả năng hội nhập vào kinh tế khu vực và thế giới. Bên cạnh đó, các Hiệp định Thương mại tự do đã và đang ký kết cũng là những yếu tố tích cực giúp cho sản phẩm nhựa Việt Nam tăng khả năng cạnh tranh khi xuất khẩu sang các thị trường khác. Đặc biệt, RCEP sẽ giúp các công ty Việt Nam mở rộng phạm vi khu vực nguồn nguyên liệu được đảm bảo yêu cầu quy tắc xuất xứ (nếu nguồn nguyên liệu sản xuất của các công ty Việt Nam được nhập từ 1 trong 16 nước như Australia, Newzealand, Ấn Độ, Hàn Quốc, Nhật Bản, các nước khu vực Đông Nam Á... đều đáp ứng quy tắc xuất xứ) để được hưởng ưu đãi giảm thuế xuất khẩu còn từ 0%-5%.

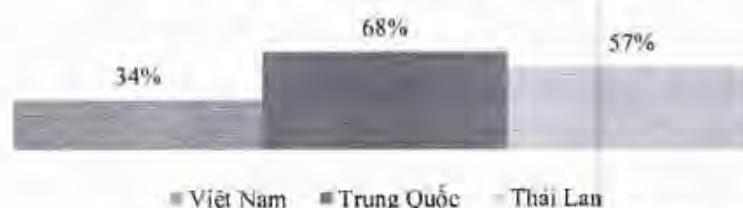
Ngành nhựa Việt Nam là ngành có tốc độ tăng trưởng ổn định. Trong thời gian qua, các doanh nghiệp nhựa Việt Nam đã có sự hợp tác chặt chẽ với những doanh nghiệp nhựa đến từ các nước khác trong khu vực Châu Á và Đông Nam Á. Đây là một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy ngành nhựa Việt Nam phát triển mạnh mẽ, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Thêm vào đó ngành nhựa là một trong 10 ngành Nhà nước ưu tiên phát triển do có tăng trưởng tốt và ổn định, xuất khẩu khá mạnh và sản phẩm có khả năng cạnh tranh cao. Nhà nước đã có chính sách phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ phục vụ cho ngành nhựa, định hướng nhập khẩu nguyên liệu của ngành chỉ còn khoảng 50%. Đồng thời, Chính phủ thực hiện nhiều chính sách khuyến khích để huy động các nguồn lực xã hội tham gia vào khâu sản xuất nguyên liệu cho ngành nhựa, vì ngoài tạo ra sản phẩm tiêu dùng trực tiếp, ngành nhựa còn giữ vai trò hỗ trợ sản xuất cho các ngành khác.

b. Triển vọng ngành công nghiệp phụ trợ

Tính đến hết năm 2019, tổng số vốn đầu tư FDI đăng ký vào Việt Nam đạt 38 tỷ USD, tăng 7,2% so với năm 2018. Trong đó, lượng vốn đầu tư tập trung nhiều nhất vào lĩnh vực công nghệ chế tạo với tổng số vốn đạt 24,56 tỷ USD, chiếm 64,6% tổng vốn đầu tư (Theo Cục Đầu tư nước ngoài).

Dòng vốn FDI chảy về các nước không chỉ đơn thuần vì nhân công giá rẻ, họ còn cân nhắc nhiều hơn về khả năng nội địa hóa công nghiệp hỗ trợ nhằm đạt được tối đa lợi ích về tiết kiệm chi phí và cạnh tranh chất lượng. Tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm của Việt Nam so với các nước hiện còn thấp:

Hình 7: Tỷ lệ nội địa hóa các sản phẩm hỗ trợ

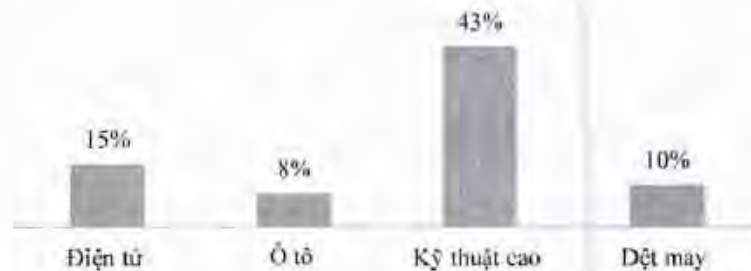


Nguồn: Báo cáo của Tổ chức Thương mại Nhật Bản Hà Nội năm 2019

Theo ước tính của Bộ Công Thương, đến cuối năm 2021, có khoảng 3900 doanh nghiệp, chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia vào ngành công nghiệp hỗ trợ, trong đó số lượng doanh

ngành đủ điều kiện tham gia vào chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp FDI còn hạn chế, với tỷ lệ nội địa hóa các ngành sản xuất cụ thể:

Hình 8: Tỷ lệ nội địa hóa theo ngành



Nguồn: Tổng cục Thống kê

So sánh với nhu cầu của các doanh nghiệp FDI, đa số các doanh nghiệp hỗ trợ tại Việt Nam tham gia vào chuỗi giá trị ở các sản phẩm đơn giản và có giá trị thấp khiến cho biên lợi nhuận không cao như sản xuất bao bì, chi tiết nhựa,... Do đó, thị trường công nghiệp phụ trợ ở Việt Nam còn nhiều dư địa để NHH tiếp tục phát triển.

Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Xu hướng ngành nhựa kỹ thuật: Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và tình hình dịch bệnh Covid-19 chính là những chất xúc tác quan trọng trong làn sóng chuyển dịch sản xuất sản phẩm nhựa hỗ trợ từ Trung Quốc sang Việt Nam. Với kinh nghiệm cung cấp cho nhiều Tập đoàn ô tô, xe máy, điện tử, điện gia dụng hàng đầu thế giới, cùng quy mô sản xuất lớn, liên tục cải tiến quy trình, công nghệ, NHH đã thu hút được thêm nhiều đối tác, đơn hàng mới trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

Chính sách của Nhà nước: Phát triển ngành nhựa nói chung và ngành công nghiệp phụ trợ nói riêng đang là một trong những mục tiêu mà Chính phủ đặt ra và hỗ trợ doanh nghiệp, cụ thể được quy định tại Nghị định 68/2017/NĐ-CP ngày 25/05/2017 về quản lý phát triển cụm công nghiệp và Nghị định 111/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 về phát triển công nghiệp hỗ trợ với các điểm ưu đãi chính sau:

- Về chính sách tài chính – tín dụng: Miễn thuế nhập khẩu, xuất khẩu. Hạn mức vay tối đa 70% tổng mức đầu tư, lãi suất vay không quá trần lãi suất của Ngân hàng nhà nước. Miễn/giảm thuế đất, chi phí thuê đất hàng năm,....
- Về chính sách nghiên cứu – phát triển: Các doanh nghiệp được hỗ trợ đào tạo từ các chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ do Bộ Công Thương tổ chức, tài trợ tối đa 50% chi phí đầu tư vào chương trình nghiên cứu phát triển hoặc làm các dự án nghiên cứu.
- Về chính sách khác: Hỗ trợ phát triển thị trường, hợp tác quốc tế và các ưu tiên tham gia chương trình xúc tiến thương mại quốc gia,...

Theo Quyết định số 55/2007/QĐ-TTg ngày 23/04/2007 phê duyệt Danh mục các ngành công nghiệp ưu tiên, mũi nhọn giai đoạn 2007- 2010, tầm nhìn đến năm 2020, ngành Nhựa cũng nằm trong danh

sách các ngành công nghiệp được ưu tiên phát triển và Quyết định số 2992/QĐ-BCT ngày 17/06/2011 của Bộ Công thương về Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Nhựa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2035 đặt ra kế hoạch đầu tư chi tiết, ưu tiên phát triển ngành Nhựa thành ngành kinh tế mạnh. Điều này cho thấy ngành Nhựa sẽ được tạo nhiều điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh hoạt động sản xuất, tiêu thụ trong nước cũng như xuất khẩu.

Như vậy triển vọng phát triển của Công ty là phù hợp với sự phát triển của xu hướng chung của thế giới và các chính sách của Chính phủ. Sở hữu lợi thế về cơ sở vật chất, công nghệ, nhiều năm hoạt động trong ngành công nghiệp hỗ trợ, đội ngũ nhân sự dày dặn kinh nghiệm, Công ty có những nền tảng vững chắc để đạt những bước phát triển mạnh mẽ trong tương lai.

10.8. Hoạt động Marketing

Khách hàng của Công ty thường là những khách hàng lớn, truyền thống; do đó việc chăm sóc khách hàng rất được coi trọng. Trên website của Công ty luôn có nhân viên kinh doanh online, sẵn sàng trả lời các câu hỏi liên quan đến Công ty, đến các sản phẩm của Nhựa Hà Nội hay về tình hình trên thị trường của khách hàng. Bên cạnh đó, hoạt động Marketing còn quảng bá giới thiệu về Công ty chủ yếu thông qua các buổi giao thương, gặp gỡ giữa các doanh nghiệp được tổ chức bởi Trung tâm xúc tiến thương mại - Bộ công thương, Tổ chức JETRO,... Ngoài ra Công ty cũng tích cực tham gia các triển lãm trong và ngoài nước, gửi email và phát tờ rơi giới thiệu sản phẩm đến các doanh nghiệp để quảng bá hình ảnh công ty và tìm kiếm thêm khách hàng mới.

10.9. Quyền sở hữu tri tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Biểu tượng logo của Công ty:



Logo của công ty đã được làm thủ tục đăng ký nhãn hiệu với Bộ Khoa học và Công nghệ. Từ ngày 29/09/2018, Nhựa Hà Nội cùng các thành viên khác trong Tập đoàn An Phát chính thức ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới với sự thống nhất sử dụng một logo duy nhất. Logo được thiết kế cách điệu từ chữ A, biểu tượng dẫn đầu và là chữ cái đầu tiên của thương hiệu An Phát. Hai màu xanh dương và màu xanh lá cây được sử dụng chủ đạo mang nhiều ý nghĩa. Màu xanh dương biểu trưng cho công nghệ, thể hiện xu hướng hội nhập của An Phát trong thời đại công nghệ số 4.0. Trong

logo có chứa một mũi tên đi lên đại diện cho khát vọng tiến lên phía trước, không ngừng nỗ lực của Công ty. Đặc biệt, logo mới có hình dạng ngọn núi, truyền tải thông điệp về định hướng trở thành chỗ dựa vững chắc, thúc đẩy và hỗ trợ các doanh nghiệp Việt, giúp nâng tầm ngành nhựa Việt Nam.

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Chính sách nghiên cứu phát triển

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển cũng như đến hiện tại, đầu tư cho nghiên cứu phát triển, tiên phong trong công nghệ và không ngừng cải tiến sản xuất được coi là yếu tố tạo lợi thế cạnh tranh bền vững của doanh nghiệp. Do đó Công ty ưu tiên nguồn lực, khuyến khích cải tiến sản xuất, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo. Chính sách nghiên cứu phát triển được triển khai theo các

ưu tiên chính như sau:

- Duy trì tuân thủ và đáp ứng tiêu chuẩn của của hệ thống quản lý chất lượng quốc tế ISO 9001-2015 và hệ thống quản lý môi trường TCVN ISO 14005.
- Nghiên cứu, chế thử sản phẩm mới, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Tối ưu các quy trình quản lý sản xuất, quy trình công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm, dụng cụ phục vụ sản xuất, định mức lao động, định mức nguyên vật liệu, đảm bảo sản xuất ổn định.
- Tăng cường tự động hóa, giảm tỷ lệ tiêu hao trong sản xuất, tăng tái sử dụng nguyên vật liệu, tiết kiệm năng lượng trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đánh giá ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty

Nhờ việc triển khai tích cực, hiệu quả các chính sách nghiên cứu, phát triển, Công ty đã luôn đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của các khách hàng FDI, tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng, đồng thời mở rộng được tập khách hàng thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Các chính sách, chương trình cải tiến sản xuất được các khách hàng đánh giá cao, giúp giảm tỷ lệ lỗi sản phẩm, rút ngắn thời gian giao hàng, tối ưu hiệu quả sản xuất, giảm tiêu hao năng lượng, nguyên vật liệu.

10.11. Chiến lược Kinh doanh, định hướng phát triển của Công ty

Tổng quan chiến lược

Trong giai đoạn 2022 – 2025, NHH phấn đấu trở thành một trong những doanh nghiệp đầu tàu trong ngành công nghiệp hỗ trợ tại phía Bắc. Thông qua định hướng chiến lược tiếp tục phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh công nghệ ép phun nhựa và chế tạo khuôn mẫu, Công ty sẽ đón bắt các cơ hội phát triển mạnh mẽ được mở ra nhờ các chính sách ưu tiên phát triển công nghiệp hỗ trợ của Nhà nước, xu hướng chuyển dịch chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp FDI sang Việt Nam và sự tăng trưởng của khu vực sản xuất – chế biến – chế tạo trong nước. Công ty sẽ tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị của các khách hàng hiện hữu, đồng thời chủ động mở rộng mạng lưới khách hàng và sản phẩm cung ứng, gia tăng hiện diện thị trường và tiếp tục cải tiến nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Thời gian, nguồn vốn và nguồn lực thực hiện

Để hiện thực hóa chiến lược trên, trong năm 2022 - 2025, Công ty tiếp tục tập trung nguồn lực tài chính và nhân sự để triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh với các ưu tiên sau:

- Nâng cao năng lực sản xuất nhằm tăng cường và chiếm lĩnh thị trường ép phun nhựa trong ngành công nghiệp hỗ trợ, đón bắt và đáp ứng nhu cầu phát triển nhà cung cấp của các đối tác lớn ngành ô tô như Toyota, Honda Việt Nam, Hyundai Thành Công, Mitsubishi, Vinfast, Ford Việt Nam..., đón bắt và đáp ứng nhu cầu cung cấp các linh kiện điện tử cho Foxconn, Panasonic, Daikin..., tăng thêm khả năng đáp ứng nhu cầu chi tiết thiết bị vệ sinh của Toto Việt Nam, nỗ lực tìm kiếm thêm các khách hàng khác và phát triển sản phẩm mới.
- Tiếp tục thực hiện cải tiến sản xuất theo chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của Samsung Việt Nam và Bộ Công thương, tăng cường triển khai các sáng kiến trong sản xuất kinh doanh.
- Kiện toàn nhân sự, cơ cấu tổ chức sản xuất, hướng tới sẽ tinh giản bộ máy quản lý, tăng cường nâng cao năng lực cán bộ, chuẩn bị nguồn nhân lực cho kế hoạch phát triển của công ty.
- Tiết giảm chi phí tất cả các công đoạn sản xuất, đầu tư công nghệ hiện đại, giảm lao động thủ

công, nâng cao năng suất lao động, đầu tư thiết bị, công nghệ chế tạo khuôn chính xác, đáp ứng được giá cạnh tranh, thu hút nhiều khách hàng, tăng hiệu quả SXKD trong những năm tới.

- Đẩy mạnh truyền thông quảng bá cho sản phẩm và thương hiệu.

Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Để tăng cường kế hoạch quản trị công ty, công ty sẽ triển khai xây dựng các quy chế quản trị Công ty phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng và Điều lệ Công ty. Các quy định nhằm mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty. Quy chế quản trị cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội. Các nguyên tắc quản trị công ty được Công ty xây dựng trong quy chế quản trị công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của công ty;
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát công ty có hiệu quả.

10.12. Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật của tổ chức phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện:

Không có.

II. Chính sách đối với người lao động

Nhân lực luôn là yếu tố quan trọng quyết định thành công của mọi doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn đặt vấn đề nhân lực và thực hiện chính sách thu hút lao động giỏi lên vị trí hàng đầu trong hoạch định chiến lược doanh nghiệp.

a. Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ công việc, sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty được nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm, thai sản theo quy định của Bộ Luật lao động, cụ thể:

- Nghỉ phép năm 12 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện bình thường.
- Số ngày nghỉ phép được tăng theo thâm niên làm việc tại Công ty, cứ đủ 05 năm được nghỉ thêm 01 ngày, đủ 30 năm trở lên được nghỉ thêm 06 ngày.
- Nghỉ Tết dương lịch 01 ngày; nghỉ Tết âm lịch 05 ngày; nghỉ giỗ tổ Hùng Vương 01 ngày; nghỉ lễ 30/04 – 01/05 02 ngày; nghỉ Quốc khánh 02 ngày.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc, nhà xưởng gọn sạch theo tiêu chuẩn 5S (Nhật Bản), đảm bảo ánh sáng, an toàn lao

động, đầy đủ điều kiện làm việc 3 ca cho người lao động. Đầu năm 2020, Công ty đã hoàn thành nghiệm thu và đưa vào sử dụng hệ thống làm mát Cooling Pad, năm 2021 tiếp tục lắp đặt cho phân xưởng cơ khí, đã tạo cho hai phân xưởng sản xuất chính của công ty có môi trường làm việc mát mẻ, do vậy đã giảm việc phải dùng quạt mát cục bộ. CBCNV đi công tác xa được hưởng phụ cấp công tác phí và thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định của pháp luật.

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

- Tuyển dụng: tuyển dụng thông qua các trang web tuyển dụng, thông báo tuyển dụng nội bộ và các địa phương, tham gia hội trợ việc làm, liên hệ các trường đào tạo, ưu tiên sử dụng địa phương
- Đào tạo: Duy trì 04 hình thức đào tạo bên ngoài, nội bộ, tại chỗ, đào tạo tuyển dụng cho lao động mới, tiếp tục tăng cường đào tạo hội nhập văn hóa. Từ tháng 4/2020 do ảnh hưởng dịch Covid-19, Công ty thực hiện chủ trương giãn cách xã hội nên tạm dừng các hoạt động đào tạo trực tiếp, tăng cường tham gia các lớp đào tạo online,...

c. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty có Hệ thống thang bảng lương riêng, được xây dựng phù hợp với Nghị định 49/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về tiền lương và Nghị định 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 quy định mức lương tối thiểu vùng năm 2020. Ngoài mức lương tối thiểu theo quy định của Nhà nước, Công ty còn trả lương theo công việc thực hiện, theo cấp bậc quản lý và hiệu quả công việc (KPI), để tạo động lực thúc đẩy người lao động nâng cao hiệu quả công việc đóng góp cho Công ty.

Công ty có Quy chế trả lương và thưởng theo quy định và được rà soát điều chỉnh theo từng thời kỳ căn cứ theo hiệu quả SXKD và các quy định hiện hành.

Công ty luôn có chính sách đãi ngộ tốt đối với người lao động gắn bó lâu dài và có đóng góp tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty (thường theo thâm niên, nâng bậc lương trước thời hạn, thưởng theo hiệu quả SXKD,...)

11.1. Tình hình và số lượng người lao động trong Công ty

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, năng động. Tính đến hiện nay, số lượng cán bộ nhân viên, công nhân của Công ty là 793 người.

Bảng 23: Tình hình lao động của Công ty

Tiêu chí	Bình quân năm 2019	Bình quân năm 2020	Tại ngày 31/12/2021
Số lượng nhân viên	803	942	793
I. Phân theo trình độ học vấn			
1. Trình độ trên đại học	4	2	01
2. Trình độ đại học	101	105	104
3. Trình độ cao đẳng, trung cấp	106	102	94



Tiêu chí	Bình quân năm 2019	Bình quân năm 2020	Tại ngày 31/12/2021
4. Khác	592	733	594
II. Phân theo thời hạn			
1. LĐ không thuộc diện ký HĐLĐ	0	1	0
2. Hợp đồng dài hạn	721	780	691
3. Hợp đồng ngắn hạn	79	160	102
4. Lao động thời vụ, thử việc	3	1	0

Nguồn: NHH

11.2. Chính sách đối với người lao động

a. Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Người lao động làm việc tại Công ty theo các ca sản xuất, nhà máy hoạt động liên tục 24/24. Người lao động khi làm việc tại Công ty được trang bị đầy đủ: đồng phục và các thiết bị bảo hộ lao động, được đào tạo vận hành máy móc, các biện pháp bảo đảm an toàn, quy trình sản xuất, quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi vào làm việc. Ngoài ra, hoạt động Công đoàn Công ty cũng rất mạnh nhằm bảo vệ quyền lợi người lao động. Công ty cũng tham gia hưởng ứng công tác Đoàn thanh niên, hoạt động của Công đoàn cấp cơ sở cũng như tổ chức cho cán bộ nhân viên tham gia các khóa học đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề...

Giờ làm việc hành chính đối với nhân viên Công ty: Sáng từ 08 giờ đến 12 giờ; chiều từ 13 giờ đến 17 giờ. Công nhân sản xuất được chia ca làm việc để đảm bảo quy trình sản xuất của nhà máy.

Hỗ trợ ăn ca:

- + Đối với mỗi ca làm việc của công nhân, Công ty hỗ trợ 01 bữa ăn chính và 01 bữa ăn phụ, bữa phụ cách bữa chính khoảng 4 giờ đồng hồ.
- + Suất ăn bữa chính là 20.000 đồng/người, suất ăn bữa phụ là 9.000 đồng/người. Công ty còn thực hiện việc tổ chức bữa ăn nâng cao cho nhân viên vào ngày thứ bảy hàng tuần.
- + Công nhân được phục vụ nước giải khát ngay tại nơi làm việc.
- + Nhân viên Công ty cũng được phục vụ bữa ăn trưa.
- + Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động vui chơi ngoài giờ làm việc, tổ chức du lịch, nghỉ mát vào dịp hè, dịp lễ tết cho người lao động.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng được thiết kế khang trang, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có đủ trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm cho vị trí cần tuyển dụng và có tư cách đạo đức tốt, có nguyện vọng gắn bó lâu dài với Công ty. Những lao động đảm nhận vị trí cao được Công ty chọn lựa kỹ càng nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của công việc.



Đào tạo: Bên cạnh các quy định, quy trình tuyển dụng, Công ty cũng luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực thông qua chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, kiến thức nghiệp vụ chuyên môn. Hàng năm, Công ty đều xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo cho cán bộ công nhân viên thông qua các hình thức đào tạo nội bộ và sử dụng các chương trình đào tạo từ bên ngoài cả ở trong và ngoài nước. Các chương trình đào tạo cho cán bộ công nhân viên như: đào tạo về hội nhập, dịch vụ khách hàng, nghiệp vụ kế toán, thuế, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo... Các cán bộ công nhân viên có yêu cầu học tập cũng được Công ty hỗ trợ chi phí cho các khóa nâng cao trình độ nghiệp vụ, chuyên môn.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương: Công ty thực hiện chi trả lương cho CBCNV dựa vào cấp công việc, năng lực, chức vụ, bảng cấp, thang bảng lương và hiệu quả kinh doanh của Công ty. Lương hàng tháng được chi trả một lần vào ngày 15 hàng tháng. Việc nâng lương hàng năm được thực hiện theo quy định của Nhà nước hiện hành.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, hàng Quý, hàng năm Công ty đều tổ chức bình bầu các cá nhân, nhóm làm việc tiêu biểu, khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Hình thức khen thưởng cũng rất đa dạng, bên cạnh thưởng bằng tiền, hiện vật, Công ty còn tổ chức khen thưởng bằng những chuyến du lịch khi có điều kiện, khen thưởng bằng cổ phiếu thưởng của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho CBCNV. Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Hàng năm vào dịp hè Công ty tổ chức cho CBCNV đi nghỉ mát, nhân dịp 8/3 Công ty tổ chức thăm quan, du lịch, tổ chức tặng quà nhân dịp sinh nhật, tặng quà cho con CBCNV nhân dịp 1/6, tết trung thu, tổ chức thăm và tặng quà CBCNV có hoàn cảnh khó khăn...

12. Chính sách cổ tức

Cổ tức được trích từ lợi nhuận của Công ty, cổ tức được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn phải trả. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng



cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Bảng 24: Tỷ lệ cổ tức năm gần nhất

Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tỷ lệ cổ tức trên mệnh giá	10%	10%	10%
Hình thức thanh toán	Bằng tiền	Bằng tiền	Bằng tiền

Nguồn: NHH

13. Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Ngày 13/08/2020, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội đã thông qua phương án phát hành cho cổ đông hiện hữu với các thông tin cơ bản sau:

- Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán: 2.000.000 cổ phiếu.
- Giá chào bán: 45.000 đồng/cổ phiếu.
- Mục đích sử dụng vốn như sau:

TT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền giải ngân (VNĐ)
1	Trả nợ vay ngắn hạn Ngân hàng	50.000.000.000
2	Bổ sung vốn lưu động: Mua hàng hóa, nguyên vật liệu và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (sản phẩm nhựa: linh phụ kiện nhựa lắp ráp ô tô, xe máy, điều hòa, máy giặt, máy in, hộp nhựa, vỏ điện thoại, pallet nhựa;...; hạt nhựa các loại, phụ gia, hạt màu, thép, linh phụ kiện, vật tư phục vụ gia công khuôn, sơn mạ sản phẩm; dịch vụ vận tải;...); thanh toán lương, lương khuyến khích và các khoản phụ cấp cho người lao động	40.000.000.000
	Tổng cộng	90.000.000.000

Ngày 20/10/2020, UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng số 239/GCN-UBCKNN cho Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Ngày 03/12/2020, Công ty báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng, với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phiếu đã chào bán: 2.000.000 cổ phiếu.
- Tổng giá trị thu được từ đợt chào bán: 90.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi chào bán: 364.440.000.000 đồng

Ngày 04/12/2020, UBCKNN đã có công văn số 7149/UBCK-QLCB về báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội.

Với số tiền thu được từ đợt chào bán là 90.000.000.000 đồng, Công ty đã sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 344,4 tỷ đồng lên 364,4 tỷ đồng để phục vụ hoạt động



kinh doanh theo đúng Phương án sử dụng vốn đã được ĐHĐCĐ thông qua và công bố thông tin, cụ thể như sau:

TT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền giải ngân (VNĐ)
1	Trả nợ vay ngắn hạn Ngân hàng	50.000.000.000
2	Bổ sung vốn lưu động: Mua hàng hóa, nguyên vật liệu và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (sản phẩm nhựa: linh phụ kiện nhựa lắp ráp ô tô, xe máy, điều hòa, máy giặt, máy in, hộp nhựa, vỏ điện thoại, pallet nhựa;...; hạt nhựa các loại, phụ gia, hạt màu, thép, linh phụ kiện, vật tư phục vụ gia công khuôn, sơn mạ sản phẩm; dịch vụ vận tải;...); thanh toán lương, lương khuyến khích và các khoản phụ cấp cho người lao động	40.000.000.000
	Tổng cộng	90.000.000.000

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán theo Báo cáo kiểm toán số số 101221.001/BCKT.KT2 ngày 10/12/2021 của Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

- a. Trái phiếu chưa đáo hạn: không có
- b. Cam kết thuê hoạt động theo các hợp đồng thuê đất, thuê nhà xưởng và thuê hoạt động khác:
 - Nhóm Công ty (Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội và các công ty con) hiện đang thuê nhà xưởng, thuê dịch vụ theo các hợp đồng thuê hoạt động. Theo BCTC hợp nhất kiểm toán bán niên soát xét năm 2021, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:
 - Đến 1 năm: 3.776.699.256 đồng
 - Từ 1 năm – 5 năm: 11.441.565.243 đồng
 - Trên 5 năm: 8.455.392.000 đồng

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán
Không có

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích:

Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội cam kết Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu

trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

I. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty từ năm 2019 đến năm 2021

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam, tuân thủ theo các quy định của Luật kế toán và các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành ở Việt Nam.

Bảng 25: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng trường	Năm 2021
Tổng giá trị tài sản	1.150.970	1.702.063	47.9%	1.896.869
Doanh thu thuần	1.232.539	1.064.158	-13.7%	2.083.681
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	71.223	45.283	-36.4%	95.702
Lợi nhuận khác	1.155	80.073	6831.2%	-5.764
Lợi nhuận trước thuế	72.379	125.356	73.2%	89.938
Lợi nhuận sau thuế	56.711	112.497	98.4%	72.180
Lợi nhuận sau thuế cổ đồng Công ty mẹ	56.647	112.497	98,59%	71.972
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	60,80%	32,39%	-	-
Tỷ lệ cổ tức	10%	10%	0.0%	-

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, năm 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Q4/2021 tự lập

Doanh thu thuần năm 2021 của Công ty tiếp tục có sự tăng trưởng nhất định. Doanh thu hợp nhất năm 2021 đạt 2.083 tỷ đồng bằng 196% so với doanh thu cả năm 2020 và đạt 110% so với kế hoạch doanh thu do ĐHCĐ thông qua, lợi nhuận sau thuế đạt 72 tỷ đồng bằng 64% lợi nhuận cả năm 2020.

Bảng 26: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty Mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng trưởng	Năm 2021
Tổng giá trị tài sản	972.540	923.661	-5.0%	1.041.005
Doanh thu thuần	1.204.189	960.739	-20.2%	1.201.350
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	46.749	53.214	13.8%	65.039
Lợi nhuận khác	238	23.475	9767.1%	529
Lợi nhuận trước thuế	46.987	76.689	63.2%	65.568
Lợi nhuận sau thuế	35.460	67.384	90.0%	52.871
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	97,12%	54,08%	-	-
Tỷ lệ cổ tức	10%	10%	0.0%	-

Nguồn: BCTC riêng năm 2019, năm 2020 đã được kiểm toán; BCTC riêng Quý 4/2021 tự lập
Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập về kết quả kinh doanh: không có

1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 – 2021

Thuận lợi:

Các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mang đến nhiều cơ hội

Theo các chuyên gia và doanh nghiệp nhựa, việc Việt Nam ký kết các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã mang đến nhiều cơ hội cho doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm từ nhựa. Các đối tác đang chuyên dẫn đơn hàng từ Trung Quốc sang Việt Nam để tận dụng chi phí sản xuất rẻ và thuế xuất khẩu được hưởng nhiều ưu đãi. Đồng thời, nhu cầu nhập khẩu sản phẩm nhựa tại thị trường các nước châu Âu (EU), Nhật Bản vẫn ở mức cao, trong khi đó, khách hàng tại các quốc gia này ngày càng ưa thích sản phẩm nhựa Việt Nam.

Đáng chú ý, cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung leo thang khiến cho nhiều doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm từ nhựa của Trung Quốc ngày càng tìm đến các nước trong khu vực Đông Nam Á để đầu tư nhằm tránh Mỹ đánh thuế cao nhóm mặt hàng này nhập từ Trung Quốc, trong đó Việt Nam được xem là một trong những điểm đến được chú ý. Đồng thời, do cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung nhiều công ty đa quốc gia đã dịch chuyển các chuỗi cung ứng vốn ở Trung Quốc sang các nước khác, trong đó có Việt Nam.

Chính phủ đồng ý kiến nghị không tăng thuế nhập khẩu nguyên liệu nhựa PP

Giữa tháng 11/2019, Hiệp hội nhựa Việt Nam (VPA) nhận được công văn của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 125/2017/NĐ-CP, trong đó Bộ Tài chính đề xuất điều chỉnh tăng thuế nhập khẩu đối với mặt hàng Polypropylen (hạt nhựa PP thuộc nhóm

HS 3902) từ 3% lên 5%. Sau khi nhận được công văn kiến nghị của VPA, Bộ Tài chính đã có tờ trình Chính phủ đề xuất không tăng thuế nguyên liệu nhựa PP từ mức 3% lên 5%. Việc giữ nguyên mức thuế nguyên liệu nhựa PP sẽ được kéo dài đến năm 2022, khi các nhà máy sản xuất nguyên liệu trong nước đảm bảo nguồn cung trên 50% sản lượng nội địa.

Chính sách thúc đẩy ngành công nghiệp hỗ trợ phát triển

Năm 2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25-5-2020, đã sửa đổi, bổ sung về thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện về 0% để sản xuất, gia công (lắp ráp) các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ phát triển ngành sản xuất, lắp ráp ô tô. Như vậy, ngoài ưu đãi thuế cho linh kiện, phụ tùng ô tô trong nước chưa sản xuất được thì Nghị định số 57/2020/NĐ-CP đã mở rộng đối tượng ưu đãi thuế là nguyên liệu, vật tư, linh kiện để sản xuất, gia công (lắp ráp) các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Việc bổ sung chương trình ưu đãi thuế nhập khẩu 0% đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu hỗ trợ ngành ô tô đã góp phần giảm chi phí đầu vào, tăng quy mô thị trường sản xuất trong nước, tăng tỷ lệ nội địa hóa, nâng cao sức cạnh tranh của ngành sản xuất ô tô trong nước so với nhập khẩu. Chính sách này đã tạo thêm động lực tăng trưởng cho các doanh nghiệp lắp ráp, sản xuất ô tô trong nước, cũng như các doanh nghiệp tham gia vào chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp này.

Theo ước tính của Hiệp hội Nhựa Việt Nam, cả nước có gần 2.000 doanh nghiệp nhựa tập trung chủ yếu tại thị trường phía Nam với trên 80%, miền Bắc chỉ chiếm 14%. Tuy vậy, xu hướng đầu tư xây dựng những nhà máy công nghiệp kỹ thuật, điện tử, ô tô tại miền Bắc, tiêu biểu là nhà máy xe ô tô Vinfast tại Hải Phòng với sản lượng trên 500.000 xe/năm, đẩy mạnh nhu cầu đối với ngành nhựa hỗ trợ tại Miền Bắc.

Tiềm lực của Công ty

Công ty có uy tín và vị thế trong ngành nhựa Việt Nam, có kinh nghiệm nhiều năm sản xuất sản phẩm nhựa kỹ thuật cung cấp cho ngành công nghiệp hỗ trợ: ô tô, xe máy, điện, điện tử, điện lạnh, khuôn nhựa, ... cung cấp cho thị trường trong nước, xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, Châu Âu. Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội có mạng lưới khách hàng rộng khắp, từ các Tập đoàn đa quốc gia toàn cầu như Honda, Toyota, Piaggio, LG, Panasonic,... cho đến các doanh nghiệp lớn trong nước như Vinfast... Các khách hàng của Công ty phần lớn là các khách hàng lâu năm, đã có mối quan hệ hợp tác bền chặt với Công ty

Đội ngũ cán bộ quản lý của công ty chuyên nghiệp, có nhiều kinh nghiệm, được rèn giũa đào tạo thông qua các đối tác Nhật Bản trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm nhựa và thiết kế, chế tạo khuôn nhựa. Lực lượng sản xuất trực tiếp có nhiều nhân viên, người lao động với trình độ tay nghề cao, chuyên cần, làm việc nghiêm túc, bán theo các phương thức quản lý sản xuất của các công ty Nhật Bản như quản lý 5S, TPS.

Công ty có hệ thống máy móc thiết bị tiên tiến, hiện đại, đáp ứng các sản phẩm nhựa chất lượng cao và chi phí hợp lý với năng suất cao, giá cả cạnh tranh. Về cơ sở hạ tầng, Công ty sở hữu 05 nhà máy lớn, có diện tích và trang thiết bị hiện đại phục vụ tốt (Chi tiết nêu tại Mục 7.1). Công ty áp dụng hệ

thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015 và ISO14001:2015 cập nhật hệ thống quản lý của các công ty Nhật Bản (Honda Việt Nam, Toyota Việt Nam ...).

Khó khăn:

Hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng do COVID-19

Năm 2021, đợt dịch thứ 3 và 4 bùng phát, diễn biến phức tạp, tiếp tục ảnh hưởng đến nền kinh tế do các chính sách hạn chế đi lại, giãn cách xã hội. Do phần lớn nguyên liệu hạt nhựa đầu vào của NHH được nhập khẩu nên sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng toàn cầu ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn cung cấp nguyên vật liệu của Công ty. Đồng thời hoạt động của các khách hàng của NHH bị ảnh hưởng bởi dịch dẫn đến hoạt động sản xuất của Công ty bị gián đoạn.

Cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành

Cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành ngày càng gay gắt. Dù xu hướng chuyển dịch chuỗi cung ứng của các khách hàng từ Trung Quốc sang Việt Nam là khá rõ rệt, các doanh nghiệp Việt Nam vẫn chịu áp lực về giá bán từ các khách hàng.

Công ty nhận thức được vấn đề này và đang áp dụng nhiều biện pháp để tăng cường tính cạnh tranh như áp dụng các quy trình quản trị chi phí, quản trị tài chính tiên tiến để bảo toàn lợi nhuận, kiểm soát chi phí để tạo ra lợi thế cạnh tranh về giá, đồng thời đảm bảo chế độ kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt để nâng cao chất lượng sản phẩm.

Thị trường xe máy đang dần bão hòa, tỷ lệ nội địa hóa của ngành sản xuất ô tô còn hạn chế

Sản phẩm chiếm tỷ trọng doanh thu lớn hiện nay của Công ty CP Nhựa Hà Nội là các chi tiết nhựa để lắp ráp xe máy. Tuy nhiên hiện nay thị trường xe máy đang dần bão hòa và định hướng của Chính phủ Việt Nam là hướng tới phát triển giao thông công cộng, hạn chế xe máy trong các thành phố lớn nên sức cầu mua của thị trường được dự báo sẽ giảm trong thời gian tới. Ở lĩnh vực sản xuất linh kiện ô tô, chính sách thuế nhập khẩu ô tô nguyên chiếc và linh kiện ô tô giảm theo lộ trình hội nhập thế giới khiến tỷ lệ nội địa hóa của các nhà sản xuất hiện nay còn hạn chế, đồng thời dẫn đến xu hướng gia tăng cạnh tranh giữa các nhà cung ứng linh kiện cả trong và ngoài nước. Nhận biết được xu hướng này, Công ty đã đa dạng hóa danh mục sản phẩm, tập khách hàng và thị trường nhựa kỹ thuật và khuôn mẫu chính xác. Đặc biệt, Công ty phát triển thêm các sản phẩm dao thìa đĩa sứ dụng vật liệu tự hủy thân thiện với môi trường, mở rộng thị trường xuất khẩu và nội địa.

b. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh kể từ thời điểm 31/12/2021.

Là một doanh nghiệp hoạt động lâu năm trong ngành sản xuất nhựa, Công ty đã xây dựng được hệ thống quản trị và kiểm soát tốt, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được ổn định và không phát sinh các biến động lớn từ nội tại doanh nghiệp để ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Tuy nhiên, tình hình dịch bệnh covid-19 có thể tiếp tục diễn ra phức tạp, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty. Để hạn chế tác động của dịch bệnh, Công ty đã phối hợp với đơn vị y tế thực hiện triển khai tiêm vaccine cho toàn bộ nhân viên công ty, đảm bảo an toàn sức khỏe cho cán bộ công nhân viên, hạn chế tối đa tác động của dịch bệnh.

2. Tình hình tài chính



2.1 Các chỉ tiêu cơ bản

a. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:

Bảng 27. Tình hình vốn điều lệ

Đơn vị: đồng

	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Vốn điều lệ	344.400.000.000	364.400.000.000	364.400.000.000

Nguồn: NHH

Bảng 28. Tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Nguồn vốn	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Vốn cổ phần đã phát hành	344.400	364.400	364.400
Thặng dư vốn cổ phần	75.996	145.867	145.867
Quỹ đầu tư phát triển	3.599	3.599	3.599
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	42.428	53.165	52.872
Tổng vốn chủ sở hữu	466.423	567.030	566.738

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, năm 2020 đã được kiểm toán, BCTC riêng Q4/2021 tự lập)

Bảng 29. Tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Nguồn vốn	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Vốn cổ phần đã phát hành	344.400	364.400	364.400
Thặng dư vốn cổ phần	75.996	145.867	145.867
Quỹ đầu tư phát triển	13.417	13.417	13.417
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	57.821	113.671	129.419
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	1.323	1.584
Tổng vốn chủ sở hữu	491.634	638.677	654.686

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, năm 2020 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất Q4/2021 tự lập)

b. Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT – BTC ngày 25/04/2013 và được ước tính như sau:

Bảng 30. Thời gian khấu hao của các loại tài sản

Loại tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 35 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 15 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
Phần mềm máy tính	05 - 08 năm

Nguồn: BCTC hợp nhất quý 4/2021 tự lập



c. Mức lương bình quân

Mức lương bình quân của cán bộ công nhân viên Công ty năm 2020 là 13.048.675 đồng/người/tháng và năm 2021 là 13.500.000 đồng/người/tháng. So với mức lương cơ bản theo luật định và của các doanh nghiệp trong cùng ngành tại Hà Nội, mức lương của Công ty được đánh giá là cạnh tranh, thu hút được người lao động.

d. Tình hình công nợ hiện tại

Bảng 31. Tình hình các khoản phải thu Công ty mẹ

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Các khoản phải thu ngắn hạn	287.629	187.012	267.404
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	179.709	127.095	180.109
Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.777	6.002	17.328
Phải thu về cho vay ngắn hạn	84.804	32.321	63.000
Phải thu ngắn hạn khác	15.340	21.594	6.968
Các khoản phải thu dài hạn	127.064	97.710	32
Phải thu về cho vay dài hạn	127.064	97.678	-
Phải thu dài hạn khác	-	32	903

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, năm 2020 đã được kiểm toán, BCTC riêng Q4/2021 tự lập)

Bảng 32: Tình hình các khoản phải thu hợp nhất

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Các khoản phải thu ngắn hạn	259.553	225.974	374.089
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	174.636	192.229	346.389
Trả trước cho người bán ngắn hạn	13.964	9.407	20.531
Phải thu về cho vay ngắn hạn	61.864	8.381	-
Phải thu ngắn hạn khác	9.090	15.958	7.169
Các khoản phải thu dài hạn	857	1.622	5.627
Phải thu dài hạn khác	857	1.622	5.627

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, năm 2020 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất Q4/2021 tự lập)

Các khoản phải thu quá hạn: Không có

Tình hình các khoản nợ phải trả của Công ty:

Bảng 33: Tình hình các khoản nợ phải trả Công ty mẹ

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Nợ ngắn hạn	392.249	284.903	408.204
Phải trả người bán ngắn hạn	115.476	86.529	108.283
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	124	1.585	5.930
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.540	2.731	9.338
Phải trả người lao động	15.968	7.503	10.410
Chi phí phải trả ngắn hạn	2.043	314	577
Phải trả ngắn hạn khác	57	8.195	816
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	244.935	170.596	258.977
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9.105	7.451	13.873
Nợ dài hạn	113.868	71.728	66.063
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	113.868	71.728	66.063
Tổng cộng	506.117	356.630	474.268

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, năm 2020 đã được kiểm toán, BCTC riêng Q4/2021 tự lập)

Bảng 34: Tình hình các khoản nợ phải trả hợp nhất

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Nợ ngắn hạn	482.343	584.644	790.682
Phải trả người bán ngắn hạn	149.109	144.001	165.547
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	132	37.696	37.547
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.308	2.914	12.011
Phải trả người lao động	26.700	15.987	20.256
Chi phí phải trả ngắn hạn	3.057	338	577
Phải trả ngắn hạn khác	13.964	14.350	2.851
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	273.381	361.294	535.513
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.691	8.064	16.380
Nợ dài hạn	176.994	478.742	451.494
Phải trả người bán dài hạn	-	59.931	171.841
Phải trả dài hạn khác	-	84.206	6.649
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	176.994	334.605	273.004
Tổng cộng	659.337	1.063.386	1.242.176

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, năm 2020 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất Q4/2021 tự lập)

Công ty đã thực hiện tốt các nghĩa vụ công nợ cho các nhà cung cấp và đối tác, hiện Công ty không có bất cứ khoản nợ nào quá hạn. Các khoản nợ ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn gốc và lãi trong các năm qua.

Công ty và các công ty con không vi phạm các điều khoản khắc trong hợp đồng và các cam kết có liên quan.

e. Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 35: Số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước công ty mẹ

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Thuế giá trị gia tăng	-	1.166	415
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.418	1.447	8.810
Thuế thu nhập cá nhân	122	100	87
Thuế xuất, nhập khẩu	-	19	26
Thuế khác	-	-	-
Tổng cộng	4.540	2.731	9.338

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, năm 2020 đã được kiểm toán, BCTC riêng Q4/2021 tự lập)

- **Ghi chú:** Ngày 23/12/2021, Cục thuế TP. Hà Nội đã có Quyết định số 56842/QĐ-CTHN-TTKT4-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội, theo đó:

(1) Số tiền thuế Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội phải nộp thêm là 210.860.703 đồng, trong đó:

- Thuế GTGT: 20.771.577 đồng (năm 2019: 7.146.768 đồng, năm 2020: 13.624.809 đồng).
- Thuế TNDN: 74.012.992 đồng (năm 2019: 38.046.085 đồng; năm 2020: 35.966.907 đồng)
- Thuế nhà thầu: 116.076.134 đồng (năm 2019: 116.076.134 đồng, trong đó thuế GTGT nhà thầu: 70.196.239 đồng; thuế TNDN nhà thầu: 45.879.895 đồng)

(2) Tiền thuế chậm nộp: 34.413.754 đồng, trong đó:

- Tiền chậm nộp thuế GTGT: 16.627.540 đồng
- Tiền chậm nộp thuế TNDN: 17.786.214 đồng

Số tiền chậm nộp tiền thuế nêu trên được tính đến hết ngày 24/11/2021.

(3) Tiền phạt khai sai: 42.172.141 đồng

(4) Tiền phạt vi phạm hành chính: 2.100.000 đồng

Như vậy, tổng số tiền thuế truy thu, tiền phạt và tiền chậm nộp là: 289.546.598 đồng.

Ngày 24/11/2021, Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội đã nộp số thuế nhà thầu với số tiền là 116.076.134 đồng (Trong đó: thuế GTGT: 70.196.239 đồng, thuế TNDN: 45.879.895 đồng).

Sau khi bù trừ số tiền thuế đã nộp, số tiền thuế thực tế còn phải nộp vào NSNN là 173.470.464 đồng (trong đó: thuế GTGT: 20.771.577 đồng; thuế TNDN: 74.012.992 đồng; phạt vi phạm hành chính: 2.100.000 đồng, tiền phạt khai sai: 42.172.141 đồng; tiền chậm nộp: 34.413.754 đồng). Thời hạn nộp: 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định số 56842/QĐ-CTHN-TTKT4-XPVPHC của

Cục thuế TP. Hà Nội. Hiện nay, Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội đã thực hiện nộp đầy đủ số thuế còn phải nộp trên cho cơ quan thuế.

Bảng 36: Số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước hợp nhất

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Thuế giá trị gia tăng	-	0	415
Thuế xuất, nhập khẩu	7	19	26
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.081	1.447	11.075
Thuế thu nhập cá nhân	220	282	495
Thuế, phí khác	-	0	
Tổng cộng	5.308	2.914	12.011

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, năm 2020 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất Q4/2021 tự lập)

f. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành.

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Điều lệ Công ty và luật có liên quan. Mức trích lập cụ thể theo từng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị.

Bảng 37: Số dư các quỹ Công ty Mẹ

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Quỹ đầu tư và phát triển	3.599	3.599	3.599
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9.105	7.451	13.873
Tổng cộng	12.704	11.050	17.472

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, năm 2020 đã được kiểm toán, BCTC riêng Q4/2021 tự lập)

Bảng 38: Số dư các quỹ hợp nhất

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Quỹ đầu tư và phát triển	13.417	13.417	13.417
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.691	8.064	16.380
Tổng cộng	24.108	21.481	29.797

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, năm 2020 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất Q4/2021 tự lập)

g. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất: Không có

2.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 39: Các chỉ tiêu tài chính năm 2019-2021

Các chỉ tiêu	Đvt	Công ty mẹ			Hợp nhất		
		31/12 /2019	31/12 /2020	31/12 /2021	31/12/ 2019	31/12/ 2020	31/12/ 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán							
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,11	1,14	1,01	1,01	1,00	1,00
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,91	0,91	0,79	0,78	0,64	0,65
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn							
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,52	0,39	0,46	0,57	0,62	0,65
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,09	0,63	0,84	1,34	1,66	1,90
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động							
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,60	1,01	1,22	1,47	0,75	1,16
Vòng quay vốn lưu động	Vòng	2,85	2,52	3,26	2,75	1,98	2,92
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	14,30	11,38	14,03	11,40	5,57	6,35
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời							
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,99	4,26	4,40%	4,60%	10,57%	3,46%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản bình quân	%	2,94%	7,01%	5,38%	6,76%	7,89%	4,01%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	%	4,72%	7,11%	9,33%	13,61%	19,91%	11,16%
Thu nhập trên cổ phần	VND/ cổ phần	-	-	-	1.008	3.252	1.981

Nguồn: BCTC riêng, hợp nhất năm 2019, năm 2020 đã được kiểm toán; BCTC riêng, hợp nhất Q4/2021 tự lập

a. Khả năng thanh toán

Các chỉ số về khả năng thanh toán phản ánh mức độ an toàn tài chính, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn và đảm bảo Công ty không rơi vào tình trạng kiệt quệ. Hệ số thanh toán ngắn hạn được của Công ty được duy trì ổn định và lớn hơn 1 qua các năm, phản ánh Công ty có thể hoàn toàn bù đắp đủ các nghĩa vụ nợ phát sinh.

b. Cơ cấu vốn

Hệ số nợ/tổng tài sản của Công ty mẹ và hợp nhất đạt lần lượt 0,46 lần và 0,65 lần tại cuối năm

2021, ở mức trung bình so với các doanh nghiệp cùng ngành. Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ và Hợp nhất lần lượt là 0,84 và 1,9 là mức an toàn trong bối cảnh Công ty đang mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Nợ vay tăng chủ yếu do quy mô doanh thu tăng dẫn đến vốn lưu động tăng.

c. Năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho, vòng quay tổng tài sản và vòng quay vốn lưu động của Công ty năm 2021 tăng so với năm 2020, thể hiện mức độ lưu thông hàng hóa, sản phẩm được cải thiện.

d. Khả năng sinh lời

Các chỉ số sinh lời năm 2021 của Công ty mẹ đều tăng so với năm 2020, phản ánh tăng trưởng trọng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các chỉ số sinh lời theo báo cáo hợp nhất giảm so với năm 2020 do không phát sinh lợi nhuận khác như năm 2020.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2019

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội do Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện kiểm toán. Ý kiến của kiểm toán viên nêu rằng các báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm hoạt động kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội do Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện kiểm toán. Ý kiến của kiểm toán viên nêu rằng các báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm hoạt động kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất bán niên soát xét 2021

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội do Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện soát xét.

Ý kiến của kiểm toán viên nêu rằng các báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm hoạt động kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

4.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Bảng 40: Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất 2022

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021 (đồng)	Năm 2022	
		Kế hoạch (đồng)	% Tăng/giảm so với 2021
Vốn điều lệ	364.400.000.000	728.800.000.000	-
Doanh thu thuần	2.083.699.675.719	2.340.000.000.000	12%
Lợi nhuận sau thuế	72.173.920.682	118.000.000.000	63%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,46%	5,04%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	19,81%	16,19%	-
Tỷ lệ chi trả cổ tức (*)	-	10%	-

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên: Kế hoạch kinh doanh trên do bộ phận Kế hoạch của Công ty dự kiến, chưa được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.

(*) Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2021 chưa được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

a. Căn cứ vào năng lực sản xuất của các nhà máy và các hợp đồng khung ký với đối tác

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội có 05 Nhà máy đã đi vào hoạt động ngoài ra Công ty vẫn đang tiếp tục đầu tư mở rộng các dự án mới. Các hợp đồng nguyên tắc ký với các đối tác được trình bày chi tiết về các hợp đồng đang thực hiện.

- Nhà máy Nhựa Hà Nội: Hiện nhà máy có khoảng 66 máy ép nhựa; 10 trung tâm gia công khuôn, công suất 80%, với thể mạnh là sản xuất linh kiện cho ngành ô tô – xe máy với sản lượng khai thác hiện nay 5.000 tấn sản phẩm/năm.
- Nhà máy Viexim: Hiện nhà máy có khoảng 50 máy ép nhựa, công suất 85%, với thể mạnh là sản xuất linh kiện cho ngành công nghiệp ô tô - xe máy với sản lượng 2.500 tấn sản phẩm/năm, tổng số nhân sự 340 người.
- Nhà máy An Trung: Nhà máy An Trung đã đi vào hoạt động từ Quý 3/2019, hiện nhà máy khai thác khoảng 30-40/41 máy ép nhựa, công suất khoảng 70%, tổng số nhân sự 204 người. An Trung Industries với chiến lược tập trung vào sản phẩm nhựa cho ngành điện - điện tử đã chính thức trở thành nhà cung cấp cấp 2 của Samsung và nhà cung cấp cấp 1 của Brother Việt Nam. Ngoài ra, An Trung Industries đang sản xuất dao thìa đĩa và ống hút tự hủy cho xuất khẩu sang thị trường Mỹ.
- Nhà máy VMC: hoạt động trong lĩnh vực thiết kế, chế tạo các loại khuôn mẫu, thiết bị chuyên dùng phục vụ sản xuất các sản phẩm nhựa cho ngành công nghiệp. Đây sẽ là một trọng những lĩnh vực



trọng tâm trong chiến lược phát triển của NHH. Hiện nhà máy khai thác khoảng 10 máy trung tâm CNC thiết kế và chế tạo khuôn mẫu, với công suất 80 bộ khuôn/năm.

Nhà máy An Cường: hoạt động trong lĩnh vực nhựa xây dựng bao gồm sản xuất và bán các sản phẩm tấm ốp trần, tường, phào chi trang trí nội thất, tranh 4D, ván sàn SPC hèm khóa. Các sản phẩm nhựa nội thất được bán trong nước với thương hiệu Anpro và được xuất khẩu chủ yếu sang Mỹ (chiếm 70% doanh thu năm 2020). Công suất sản phẩm tấm ốp, phào chi trang trí là 1-1.8 triệu m²/năm, công suất sản phẩm sàn SPC khoảng 3-4 triệu m²/năm.

b. Tình hình thị trường cho dòng sản phẩm chủ lực của Công ty

Đối với sản phẩm nhựa kỹ thuật và khuôn mẫu chính xác: tiếp tục tăng trưởng dựa trên thế mạnh 50 kinh nghiệm sản xuất linh kiện cho ngành công nghiệp ô tô - xe máy. Dự kiến sẽ đẩy mạnh mảng linh kiện ô tô và khuôn mẫu chính xác bởi thị trường trong nước chưa được khai thác đúng tiềm năng, tỷ lệ nội địa hóa ở mức thấp so với kỳ vọng của Chính phủ.

Đối với sản phẩm nhựa xây dựng: Theo Reseachandmarkets, quy mô thị trường SPC toàn cầu ước đạt 24 tỷ USD năm 2020, và dự kiến tăng trưởng với tốc độ trung bình là 14,29%/năm trong giai đoạn 2021-2027. Sản phẩm SPC đang là xu hướng trong thập kỷ mới, tăng trưởng với tốc độ cao, là giải pháp thay thế hiệu quả cho các vật liệu tự nhiên như bê tông, gốm, đá và gỗ do thể hiện nhiều ưu thế hơn, đặc biệt ở độ bền, khả năng chống thấm nước, dễ làm sạch và lắp đặt, thiết kế linh hoạt và chi phí thấp. Cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ, vật liệu nhân tạo sẽ ngày càng được nâng cấp, khoảng cách về thẩm mỹ và chất lượng sẽ ngày càng được nới rộng so với các vật liệu tự nhiên khác. Hiện tại, thị trường Mỹ hiện đang là thị trường chủ đạo đối với dòng sản phẩm này của NHH.

4.3 Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ là đơn vị tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội cũng như lĩnh vực sản xuất kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.

Về chiến lược kinh doanh, định hướng phát triển trong ngành công nghiệp hỗ trợ và nhựa xây dựng của Công ty phù hợp với các chính sách, chủ trương nâng cao tỷ lệ nội địa hóa của Chính phủ, đồng thời phù hợp với xu hướng tăng cường lĩnh vực sản xuất, chế biến, chế tạo trong nước, chuyển dịch chuỗi cung ứng toàn cầu sang Việt Nam. Chúng tôi đánh giá chiến lược kinh doanh này là phù hợp với xu thế thị trường.

Năm 2021, Công ty đạt 2.083 tỷ doanh thu, hoàn thành vượt 10% kế hoạch doanh thu năm 2021, lợi nhuận sau thuế đạt 72 tỷ đồng tương ứng 48% kế hoạch lợi nhuận cả năm. Tuy nhiên năm 2022, căn cứ vào tình hình nền kinh tế hồi phục sau dịch bệnh, theo đánh giá của Tổ chức tư vấn, kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Công ty có thể đạt được nếu các dự đoán, nhận định của Ban lãnh đạo Công ty về tiềm năng tăng trưởng của ngành công nghiệp hỗ trợ là sát với thực tế, các kế hoạch sản xuất kinh doanh được triển khai theo tiến độ, và không có các biến động lớn ảnh hưởng cũng như Công ty có thể kiểm soát tốt các chi phí.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do đơn vị cung cấp và thu thập có chọn lọc và dựa trên những lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.



VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 “Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông”. Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội hoạt động theo mô hình công ty cổ phần bắt đầu từ năm 2009, do vậy toàn bộ cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời hạn bị hạn chế chuyển nhượng.

2. Thông tin về cổ đông lớn

2.1. Cổ đông lớn 1

Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
Năm thành lập	:	2017
Địa chỉ	:	Lô CN 11 – CN 12, cụm CN An Đồng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
Vốn điều lệ	:	2.024.233.220.000 đồng
Giấy CN ĐKDN	:	số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 31/03/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 27/04/2021
HĐKD chính	:	Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật)
Người đại diện theo pháp luật	:	Ông Đinh Xuân Cường
Chức vụ	:	Tổng giám đốc
Người đại diện tại NHH	:	Ông Phạm Ánh Dương
Chức vụ	:	Chủ tịch HĐQT

2.2. Cổ đông lớn 2:

Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh
Năm thành lập	:	Năm 2007
Địa chỉ	:	Lô CN11-CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
Vốn điều lệ	:	3.264.344.960.000 đồng
Giấy CN ĐKDN	:	0800373586 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 09/03/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 11/01/2022
Hoạt động chính	:	Sản xuất sản phẩm nhựa (PP, PE);



Người đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Lê Trung – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Người đại diện tại NHH : Ông Phạm Ánh Dương – Chủ tịch HĐQT

[Hết nội dung tại trang này]

Bảng 41: Sở hữu của cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn

STT	Tên	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu tại Công ty
		tại ngày trở thành cổ đông lớn			tại thời điểm hiện tại			dự kiến sau phát hành		
1.	CTCP Tập đoàn An Phát Holdings (Ngày trở thành cổ đông lớn: 27/11/2018)	3.200.000	3.200.000	49,23%	8.036.946	8.036.946	22,06%	16.073.892	16.073.892	22,06%
	Người liên quan của CTCP Tập đoàn An Phát Holdings	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	CTCP Nhựa An Phát Xanh (Ngày trở thành cổ đông lớn: 03/09/2020)	5.000.000	5.000.000	14,52%	16.286.257	16.286.257	44,69%	32.572.514	32.572.514	44,69%
	Người liên quan của CTCP Nhựa An Phát Xanh	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Nguồn: NHH



- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ

Không có

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành

Bà Hòa Thị Thu Hà – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh, đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội, được hưởng lương, thù lao, thưởng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và được báo cáo đến tất cả các cổ đông theo quy định. Hai cổ đông lớn là Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings và Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh được hưởng cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Ngoại trừ các khoản thu trên, thì hai cổ đông lớn nêu trên và những người có liên quan của họ đều không nhận bất kỳ lợi ích nào khác từ Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội.

- Cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

3.1 Hội đồng quản trị

Cơ cấu HĐQT ở thời điểm hiện tại như sau:

Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
Ông Bùi Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT điều hành
Ông Bùi Thanh Nam	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Thành viên HĐQT điều hành
Ông Kim Ki Min	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT độc lập
Bà Đỗ Thị Hương Giang	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính	Thành viên HĐQT điều hành
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành

a. Chủ tịch HĐQT – Bùi Minh Hải

- Họ và tên: Bùi Minh Hải
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 29/10/1976
- Nơi sinh: Bắc Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 2, 16/91, đường Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Số CCCD: 024076000531
- Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Ngày cấp: 03/12/2019



- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Chủ tịch HĐQT, Người đại diện pháp luật của Công ty về lĩnh vực huy động nguồn vốn và đầu tư tài chính.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH An Trung Industries
 - Chủ tịch Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM
 - Chủ tịch Công ty TNHH MTV Cơ Khí Chính xác và chế tạo Khuôn mẫu Việt Nam

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2000 – 2002	Kiểm toán nội bộ	Công ty TNHH nước giải khát Coca Cola
2002 – 2004	Phụ trách bán hàng	Công ty TNHH nhà máy bia Hà Tây (Tiger - Heineken)
2004 – 2006	Marketing	Văn phòng đại diện Henessy -Moet Chandon
2006 – 2008	Giám đốc	Kinh doanh riêng xe cơ giới
2008 – 03/2018	Giám đốc sản xuất nhà máy	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
03/2018 – 11/2018	Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất kiêm giám đốc Kế hoạch Sản xuất.	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
12/2018 – 3/2019	Phó GD thường trực Ban Kế hoạch chiến lược và tái cấu trúc	CTCP Tập đoàn An Phát Holdings
	Thành viên Hội đồng quản trị	CTCP Nhựa Hà Nội
04/2019 – nay	Chủ tịch HĐQT	CT TNHH An Trung Industries
04/2019 – nay	Chủ tịch	Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM
10/01/2019 - nay	Chủ tịch	Công ty TNHH MTV Cơ Khí Chính xác và chế tạo Khuôn mẫu Việt Nam
03/2019 – 6/2009	Chủ tịch HĐQT	CTCP Nhựa Hà Nội
07/2019 - nay	Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật	CTCP Nhựa Hà Nội

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân trong tổ chức phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:



- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Ông Bùi Minh Hải và những người có liên quan: Không có
- + Thù lao, tiền lương: thù lao, tiền lương của thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên các năm 2019; năm 2020; năm 2021 và quy chế nội bộ của Công ty.

Họ và tên	2019 (đồng)	2020 (đồng)	2021(đồng)
Bùi Minh Hải	108.000.000	1.526.127.100	1.901.031.000

- + Lợi ích khác từ năm 2019 đến nay (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động nêu rõ số lượng, giá,.....): Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với NHH hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của NHH: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không

b. Thành viên HĐQT – Ông Bùi Thanh Nam

- Họ và tên: Bùi Thanh Nam
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 24/07/1962
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 11, Ngách 164/10 Phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
- Số CMND: 001062002074 Ngày cấp: 29/09/2014 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy và tự động thủy lực
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
4/1985 - 3/1989	Nhân viên	Xí nghiệp Nhựa Hà Nội
4/1989 - 6/1994	Phó quản đốc	Phân xưởng cơ khí, Công ty Nhựa Hà Nội
7/1994 - 7/1995	Quản đốc	Phân xưởng cơ khí, Công ty Nhựa Hà Nội
7/1995 - 11/2000	Trưởng phòng	Phòng KTCĐ, Công ty Nhựa Hà Nội
11/2000 - 9/2005	Phó giám đốc	Công ty Nhựa Hà Nội
9/2005 - 11/2008	Phó Tổng Giám đốc	Công ty TNHH NN MTV Nhựa Hà Nội

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
11/2008 – Nay	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật	CTCP Nhựa Hà Nội
12/2010 – nay	Thành viên HĐQT	Công ty TNHH phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM
1993 - 5/2000	Bí thư	ĐTNCS Hồ Chí Minh Công ty CP Nhựa Hà Nội
4/2002 - 10/2010	Đảng Ủy viên, Bí thư chi bộ KT	Đảng ủy CTCP Nhựa Hà Nội
6/2010 – Nay	Bí thư đảng ủy	Đảng ủy CTCP Nhựa Hà Nội
11/2015 – 8/2020	Ủy viên Ban Chấp hành	Đảng ủy khối Doanh nghiệp Hà Nội

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 40.026 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với ông Bùi Thanh Nam và những người có liên quan: Không có
- + Thù lao, tiền lương: thù lao, tiền lương của thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên các năm 2019; năm 2020; năm 2021 và quy chế nội bộ của Công ty.

Họ và tên	2019 (đồng)	2020 (đồng)	2021 (đồng)
Bùi Thanh Nam	1.426.726.200	1.016.241.200	1.145.943.600

- + Lợi ích khác từ năm 2019 đến nay (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động nêu rõ số lượng, giá,.....): Không có
 - Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với NHH hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của NHH: Không có
 - Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không
- c. Thành viên HĐQT – Ông Kim Ki Min**
- Họ và tên: Kim Ki Min
 - Giới tính: Nam



- Ngày sinh: 02/11/1964
- Nơi sinh: Hàn Quốc
- Địa chỉ thường trú: 199, 114-dong 706, Jeulpum-ro, Wonju-si, Gangwon-do, Hàn Quốc
- Số Hộ chiếu: M71052314 Ngày cấp: 21/02/2019 Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Hàn Quốc Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân du lịch
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch Công ty TNHH Ankor Bioplastics.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
08/2002 - 07/2020	Tổng giám đốc	Seongoh Co., Ltd.
04/2018 - đến nay	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH Ankor Bioplastics
08/12/2021 đến nay	Thành viên HĐQT	CTCP Nhựa Hà Nội

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Ông Kim Ki Min và những người có liên quan: Không có
 - + Thù lao, tiền lương: thù lao, tiền lương của thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên các năm 2019; năm 2020; năm 2021 và quy chế nội bộ của Công ty.

Họ và tên	2019 (đồng)	2020 (đồng)	2021 (đồng)
Kim Ki Min	-	-	48.000.000

- + Lợi ích khác từ năm 2019 đến nay (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động nêu rõ số lượng, giá,...): Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với NHH hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của NHH: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không



d. Thành viên HĐQT – Bà Đỗ Thị Hương Giang

- Họ và tên: Đỗ Thị Hương Giang
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 03/04/1975
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Phòng 103b nhà A16, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
- Số CMND: 001175012660 Nơi cấp: Cục Cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư
Ngày cấp: 10/02/2017
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, cử nhân Chính trị học phát triển
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐTV Công ty TNHH phát triển Xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
01/1994 - 01/2000	Nhân viên kế toán	Công ty Nhựa Hà Nội
02/2000 - 02/2003	Phó phòng Tài vụ	Công ty Nhựa Hà Nội
03/2003 - 6/2003	Quyền Trưởng phòng Tài vụ	Công ty Nhựa Hà Nội
7/2003 - 4/2006	Trưởng phòng Tài vụ	Công ty Nhựa Hà Nội
5/2004 - 6/2006	Trưởng phòng Tài vụ	Công ty Nhựa Hà Nội
	Trưởng ban kiểm soát	Công ty CP Hàm Rồng
7/2006 - 10/2008	Kế toán trưởng	Công ty TNHH nhà nước một thành viên Nhựa Hà Nội
11/2008 - 11/2010	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng	Công ty CP Nhựa Hà Nội
	Trưởng ban kiểm soát	Công ty CP Hàm Rồng
12/2010 - 4/2011	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng	Công ty CP Nhựa Hà Nội
	Trưởng ban kiểm soát	Công ty CP Hàm Rồng
	Thành viên HĐTV	Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM
5/2011 - 4/2018	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng	Công ty CP Nhựa Hà Nội
	Thành viên HĐTV	Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM
5/2018 - 3/2019	Kế toán trưởng Công ty CP Nhựa Hà Nội	Công ty CP Nhựa Hà Nội



Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
	Thành viên HĐQT	Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM
4/2019 - nay	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	Công ty CP Nhựa Hà Nội
	Thành viên HĐQT	Công ty TNHH phát triển XNK và đầu tư VIEXIM
12/2021 - nay	Thành viên HĐQT	Công ty CP Nhựa Hà Nội

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 4.400 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Bà Đỗ Thị Hương Giang và những người có liên quan: Không có
 - + Thù lao, tiền lương: thù lao, tiền lương của thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên các năm 2019; năm 2020; năm 2021 và quy chế nội bộ của Công ty.

Họ và tên	2019 (đồng)	2020 (đồng)	2021 (đồng)
Đỗ Thị Hương Giang	995.205.800	598.772.200	63.975.600

- + Lợi ích khác từ năm 2019 đến nay (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động nêu rõ số lượng, giá,.....): Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với NHH hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của NHH: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không

e. Thành viên HĐQT – Bà Hòa Thị Thu Hà

- Họ và tên: Hòa Thị Thu Hà
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 04/11/1978
- Nơi sinh: Ưông Bí – Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Khu 5, phường Hải Tân, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương



- Số CMND: 022178001014 Ngày cấp: 24/11/2016
- Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQT và DLQG về dân cư
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính kế toán Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh; Phó Giám đốc Ban Tài chính Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2000 – 2002	Nhân viên kế toán	Công ty TNHH Khang Vinh
2003 – 2005	Nhân viên kế toán	Công ty TNHH Hưng Việt
2005 – 3/2007	Nhân viên kế toán	Công ty TNHH Anh Hai Duy
2006 -2009	Trưởng phòng kế toán	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh)
2010 -3/2018	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (nay là Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh)
4/2018 – Nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính kế toán	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh
07/2019 – Nay	Phó Giám đốc Ban tài chính	Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
6/2020 – Nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan (Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh): 16.286.257 cổ phần, chiếm 44,69% vốn điều lệ
- Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Bà Hòa Thị Thu Hà và những người có liên quan: Không có



- + Thù lao, tiền lương: thù lao, tiền lương của thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên các năm 2019; năm 2020; năm 2021 và quy chế nội bộ của Công ty.

Họ và tên	2019 (đồng)	2020 (đồng)	2021 (đồng)
Hòa Thị Thu Hà	-	36.000.000	72.000.000

- + Lợi ích khác từ năm 2019 đến nay (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động nêu rõ số lượng, giá,.....): Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với NHH hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của NHH: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không

3.2 Ban Tổng Giám đốc

Cơ cấu Ban Tổng giám đốc ở thời điểm hiện tại bao gồm:

Họ và tên	Chức danh
Ông Bùi Thanh Nam	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Thanh Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Hương Giang	Kế toán trưởng

a. Tổng Giám đốc – Ông Bùi Thanh Nam

Đã trình bày ở mục HĐQT.

b. Phó Tổng Giám đốc– Bà Phạm Thị Thanh Hiền

- Họ và tên: Phạm Thị Thanh Hiền
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 12/10/1965
- Nơi sinh: Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 33B, phố Phạm Ngũ Lão, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Số CMND: 011141796 Ngày cấp: 04/12/2010
- Nơi cấp: CA thành phố Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - CN Quản lý kinh tế công nghiệp
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM; Tổng giám đốc, Người đại diện pháp luật công ty TNHH An Trung Industries.
- Quá trình công tác:



Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2/1987 – 1/1994	Nhân viên phòng Kế hoạch sản xuất	Công ty Nhựa Hà Nội
2/1994 – 4/2001	Phó phòng Kế hoạch sản xuất	Công ty Nhựa Hà Nội
5/2001 – 7/2006	Trưởng phòng Kế hoạch sản xuất	Công ty Nhựa Hà Nội
8/2006 – 10/2008	Phó tổng giám đốc	Công ty TNHH nhà nước một thành viên Nhựa Hà Nội
11/2008 – 11/2010	Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
12/2010 - 01/2011	Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
	Thành viên HĐQT	Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM
01/2011 – 4/2018	Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
	Thành viên HĐQT, Giám đốc	Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM
5/2018 – 3/4/2019	Phó tổng giám đốc	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
	Thành viên HĐQT, Giám đốc	Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM
04/4/2019 – 2/2020	Phó tổng giám đốc	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
	Thành viên HĐQT	Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM
02/2020 - Nay	Phó tổng giám đốc	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
	Thành viên HĐQT	Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư VIEXIM
	Tổng giám đốc, người đại diện pháp luật	Công ty TNHH An Trung Industries

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 400 cổ phần, chiếm 0,0012% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan:

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu	Số lượng CP nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ	Mối quan hệ
I.	Nguyễn Hạnh Dung	Số CMND: 001190019860; Ngày cấp: 11/01/2019; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH	400 cổ phiếu, chiếm 0,0012 % vốn điều lệ	Con

- Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: không có



- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Bà Phạm Thị Thanh Hiền và những người có liên quan: Không có
- + Thù lao, tiền lương: tiền lương tại vị trí Phó Tổng Giám đốc theo quy hợp đồng lao động và quy chế nội bộ Công ty.

Họ và tên	2019 (đồng)	2020 (đồng)	2021 (đồng)
Phạm Thị Thanh Hiền	1.142.962.700	785.875.100	487.735.900

- + Lợi ích khác từ năm 2019 đến nay (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động nêu rõ số lượng, giá,.....): Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với NHH hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của NHH: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành : Không

c. Kế toán trưởng/Giám đốc Tài chính - Bà Đỗ Thị Hương Giang

Đã trình bày ở mục HĐQT

3.3 Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty có ba (03) thành viên. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát cụ thể như sau:

Họ và tên	Chức danh
Ông Trần Hoa Tùng	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Bùi Văn Hương	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Tạ Phúc Tâm	Thành viên Ban kiểm soát

a. Trưởng BKS – Trần Hoa Tùng

- Họ và tên: Trần Hoa Tùng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 25/01/1986
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Khu thực phẩm, Vân Trai, Thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vi, Thành phố Hà Nội
- Số CMND: 017415513 Ngày cấp: 26/11/2012 Nơi cấp: CA TP Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12



- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Trưởng ban kiểm soát kiêm người phụ trách kiểm toán nội bộ
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
8/2008 -6/2010	Trợ lý Kiểm toán viên	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Tài chính Quốc tế
7/2010 – 8/2014	Kế toán	Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long – Chi nhánh Hà Nội
9/2014 - 2/2018	Kiểm toán viên	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Tài chính Quốc tế
5/2018 –09/2019	Kế toán tổng hợp	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
11/2018 – 3/2020	Thành viên Ban kiểm soát	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
3/2020 - nay	Trưởng Ban kiểm soát	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
11/2021 – nay	Người phụ trách kiểm toán nội bộ	Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với ông Trần Hoa Tùng và những người có liên quan: Không có
 - + Thù lao, tiền lương: thù lao, tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên các năm 2019; năm 2020; năm 2021 và quy chế nội bộ của Công ty.

Họ và tên	2019 (đồng)	2020 (đồng)	2021 (đồng)
Trần Hoa Tùng	36.000.000	156.205.000	171.313.900

- + Lợi ích khác từ năm 2019 đến nay (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động nêu rõ số lượng, giá,.....): Không có



- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với NHH hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của NHH: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không

b. Thành viên BKS – Ông Bùi Văn Hương

- Họ và tên: Bùi Văn Hương
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 31/10/1989
- Nơi sinh: Quốc Oai – Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: xã Thạch Thán, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
- Số CMND: 001089024339 Ngày cấp: 10/12/2018
 - Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQT cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
3/2012 – 11/2013	Trợ lý Kiểm toán	Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam
8/2015 – 01/2017	Kế toán tổng hợp	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương
01/2017 – 8/2019	Kế toán tổng hợp	Công ty Cổ phần khách sạn và dịch vụ Đại Dương
8/2019 – 3/2020	Kế toán tổng hợp	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
3/2020 - Nay	Kế toán tổng hợp	Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings
	Thành viên Ban kiểm soát	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:



- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Ông Bùi Văn Hương và những người có liên quan: Không có
- + Thù lao, tiền lương: thù lao, tiền lương của thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên các năm 2019; năm 2020; năm 2021 và quy chế nội bộ của Công ty.

Họ và tên	2019 (đồng)	2020 (đồng)	2021 (đồng)
Bùi Văn Hương	-	27.000.000	36.000.000

- + Lợi ích khác từ năm 2019 đến nay (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động nêu rõ số lượng, giá,.....): Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với NHH hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của NHH: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không

c. Thành viên BKS – Ông Tạ Phúc Tâm

- Họ và tên: Tạ Phúc Tâm
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 21/12/1991
- Nơi sinh: Long Biên – Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Bắc Cầu 1, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
- Số CMND: 001091010246 Ngày cấp: 25/01/2016
- Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật/ Thạc sĩ Kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
2014 – đến nay	Nhân viên xuất nhập khẩu	Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội.
2020- nay	Thành viên Ban kiểm soát	Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội.

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: không có



- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Ông Tạ Phúc Tâm và những người có liên quan: Không có
- + Thù lao, tiền lương: thù lao, tiền lương của thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên các năm 2019; năm 2020; năm 2021 và quy chế nội bộ của Công ty.

Họ và tên	2019 (đồng)	2020 (đồng)	2021 (đồng)
Tạ Phúc Tâm	-	48.569.400	163.875.400

- + Lợi ích khác từ năm 2019 đến nay (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động nêu rõ số lượng, giá,.....): Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với NHH hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của NHH: Không có
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông, tự do chuyển nhượng

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

36.440.000 cổ phiếu tương đương 100% tổng số cổ phần đã phát hành.

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

364.400.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi bốn tỷ, bốn trăm triệu đồng)

5. Giá chào bán

Giá chào bán là 15.000 đồng/cổ phần

6. Phương pháp tính giá

Công ty sử dụng kết hợp các phương pháp Giá trị sổ sách (BV) và Giá thị trường (P) để làm cơ sở cho việc xác định giá chào bán cổ phiếu:

Công ty sử dụng kết hợp các phương pháp Giá trị sổ sách (BV) và Giá thị trường (P) để làm cơ sở cho việc xác định giá chào bán cổ phiếu:

Giá trị sổ sách của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên soát xét tại ngày 30/06/2021 là 16.584 đồng/cổ phiếu

$$\text{Giá trị sổ sách/cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu - lợi ích cổ đông không kiểm soát}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}}$$



$$= \frac{605.777.747.354 - 1.443.111.363}{36.440.000} = 16.584 \text{ đồng/cp}$$

Giá trị sổ sách của Công ty theo Báo cáo tài chính riêng bán niên soát xét tại ngày 30/06/2020 là **14.409 đồng/cổ phiếu**

Vốn chủ sở hữu

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách/cổ phần} &= \frac{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}}{36.440.000} \\ &= \frac{525.080.759.001}{36.440.000} = 14.409 \text{ đồng/ cổ phiếu} \end{aligned}$$

Giá trị thị trường giao dịch của cổ phiếu NHH bình quân 20 phiên gần nhất (từ ngày 30/09/2021 đến ngày 27/10/2021) là **37.932 đồng/cổ phần**.

Tuy nhiên, đây là đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu, để bảo vệ lợi ích của cổ đông và nâng cao khả năng chào bán thành công nhằm đảm bảo nguồn vốn, HĐQT đề xuất ĐHĐCĐ thông qua mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là **15.000 đồng/cổ phiếu**. Như vậy, giá chào bán được xác định bằng 104,10% giá trị sổ sách của Công ty theo báo cáo tài chính riêng được kiểm toán hoặc soát xét kỹ gần nhất và bằng 90,45% giá trị sổ sách của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán hoặc soát xét kỹ gần nhất, và bằng 39,54% so với giá trị cổ phiếu NHH đang được giao dịch trên thị trường..

7. Phương thức phân phối

- Tỷ lệ thực hiện quyền: 1:1 (Cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được hưởng 1 quyền, cứ 1 quyền thì được mua 1 cổ phiếu mới)
- Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn phù hợp
- Phương thức chào bán: Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo Phương thức thực hiện quyền
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có) và xử lý cổ phiếu không phân phối hết:
- Do phát hành với tỷ lệ 1:1 nên không phát sinh cổ phiếu lẻ.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông Nguyễn Văn A hiện đang sở hữu 109 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được mua số cổ phiếu phát hành thêm tương ứng là: $109/1 \times 1 = 109$ cổ phiếu. Tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm là 1:1 nên sẽ không phát sinh cổ phiếu lẻ.

- Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết là số cổ phần còn dư do cổ đông hiện hữu từ chối mua một phần hoặc toàn bộ trong đợt chào bán. Số cổ phần còn lại này sẽ được ĐHĐCĐ giao cho HĐQT chào bán cho các Nhà đầu tư khác với điều kiện chào bán không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (trong đó bao gồm mức giá chào bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu) để đảm bảo phát hành hết toàn bộ số cổ phần chào bán;



- Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết nói trên khi chào bán cho Nhà đầu tư khác theo quyết định của HĐQT bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
- Việc xử lý cổ phiếu còn dư đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.
- Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn nếu có), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán.
- Đối với cổ đông đã lưu ký: đăng ký mua cổ phiếu tại công ty chứng khoán, nơi đã mở tài khoản.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký: đăng ký mua cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội – Địa chỉ: Tổ 12 phường Phúc Lợi, quận Long Biên, TP. Hà Nội.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

8.1. Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu: không có

8.2. Thời hạn đăng ký: Tối thiểu 20 ngày kể từ ngày được phép thực hiện quyền hoặc chuyển nhượng quyền mua theo thời gian đã công bố

8.3. Phương thức thanh toán

- Đối với cổ đông đã lưu ký, cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký: cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua tại Trụ sở Công ty.
- Cổ đông nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa của Công ty.
- Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện hết hiệu lực.

8.4. Chuyển giao cổ phiếu:

- Sau khi VSD gửi Báo cáo phân bổ chứng khoán phát hành thêm đến các Thành viên lưu ký, Thành viên lưu ký hạch toán phát hành thêm vào tài khoản lưu ký chứng khoán chưa phát hành.
- Khi cổ phiếu được thông báo chính thức phát hành bổ sung, sổ chứng khoán được hạch toán vào tài khoản lưu ký của nhà đầu tư.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký thì cổ phiếu được phân phối trực tiếp tại Trụ sở Công ty.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến thực hiện tối đa trong vòng 90 ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký phát hành có hiệu lực. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán ra công chúng trong thời hạn này, Công ty sẽ xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá ba mươi ngày.

Thời gian tiến hành dự kiến: Thời gian thực hiện dự kiến trong Quý II/2022 sau khi có Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán của Ủy ban chứng khoán nhà nước. Lịch trình phân phối cổ phiếu phát hành được thực hiện theo trình tự sau:

TT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán do UBCKNN cấp có hiệu lực	D
2	CBTT trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định	D + 5
3	Thông báo chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền	D + 7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền	D + 15
5	Ngày đăng ký cuối cùng	D + 17
6	Phân bổ và thông báo quyền mua	D + 24
7	Chuyển nhượng quyền mua (nếu có)	D+24 đến D+38
8	Nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền đặt mua	D + 24 đến D + 44
9	VSD tổng hợp danh sách và gửi kết quả đăng ký và nộp tiền mua cho Tổ chức phát hành	D + 51
10	Thực hiện bán và phân phối số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết (nếu có)	D+52
11	Báo cáo kết quả chào bán cổ phần cho UBCKNN	D + 53 đến D+56
12	Thực hiện thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung đối với cổ phiếu phát hành thêm	D + 57 đến D+77
13	Giao dịch cổ phiếu phát hành thêm	D+87

(Ghi chú: D được tính là ngày làm việc và lịch trình phân phối cổ phiếu sẽ được thông báo chính thức sau khi Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

Chuyển giao cổ phiếu:

Sau khi Công ty hoàn thành đợt chào bán và hoàn thành thay đổi đăng ký chứng khoán; cổ phiếu phát hành thêm sẽ được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam phân bổ vào tài khoản chứng khoán của các Cổ đông đã lưu ký chứng khoán; các Cổ đông chưa lưu ký chứng khoán sẽ nhận được giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phát hành thêm tại Trụ sở của Công ty, hoặc bổ sung thông tin về số cổ phiếu mới vào Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần đã cấp.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

- Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Cổ phiếu không phân phối hết do cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua được Hội đồng quản trị phân phối lại cho đối tượng khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.
- Quyền mua cổ phiếu được phép chuyển nhượng và chỉ được chuyển nhượng 1 lần.

11. Tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu

Tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phần:

- Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
- Số tài khoản phong toả: 119601079666
- Tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Khu Công nghiệp Hải Dương

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Không có

13. Hủy bỏ đợt chào bán

- Đợt chào bán bị hủy bỏ trong trường hợp số lượng cổ phiếu được bán cho nhà đầu tư không đạt tối thiểu 25.508.000 cổ phiếu chiếm 70% tổng số cổ phiếu phát hành thêm
- Trong trường hợp Ủy ban chứng khoán Nhà nước quyết định hủy bỏ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định tại Điều 28 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày đợt chào bán chứng khoán ra công chúng bị hủy bỏ, Công ty sẽ thực hiện công bố việc hủy bỏ trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp và thu hồi chứng khoán đã phát hành, đồng thời hoàn trả tiền cho nhà đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đợt chào bán bị hủy bỏ.

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Căn cứ Công văn số 3879/UBCK-PTTT ngày 23/07/2021 của UBCKNN về tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty là 100%. Do vậy, nhà đầu tư nước ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại Công ty.

15. Các loại thuế có liên quan

15.1. Đối với Công ty

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Thuế giá trị gia tăng (VAT): Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Các loại thuế khác: Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

15.2. Đối với nhà đầu tư

a. Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo Luật thuế thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13 ban hành ngày 22/11/2012 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2013:

Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân:

- Bao gồm thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:
 - Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
 - Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
- Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần



với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.

- Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay nước ngoài.
- Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Kỳ tính thuế:

- Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
- Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

b. Đối với nhà đầu tư tổ chức:

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phần như sau:

$$\text{Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phần} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất}$$

Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán.
- Thuế suất = Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phần như sau:

Thuế từ việc bán cổ phần = Tổng giá trị cp bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

16. Thông tin về các cam kết

Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội cam kết triển khai thực hiện đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo quy định của pháp luật.

17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Không có.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 402/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/12/2021, toàn bộ số vốn thu được, bao gồm cả phần thặng dư vốn, được Công ty sử dụng cho một hoặc một số mục đích như sau:

- Đầu tư góp vốn vào Công ty con;
- Bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 402/2021/NQ-ĐHĐCĐ Cụ thể toàn bộ số vốn thu được từ các đợt phát hành, bao gồm cả

phần thặng dư vốn, được Công ty sử dụng cho các mục đích như sau:

Bảng 42: Mục đích sử dụng vốn chi tiết

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền (đồng)	Thời hạn thực hiện dự kiến
1	Góp vốn vào Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Công nghệ cao An Cường	230.000.000.000	Sau khi kết thúc đợt chào bán và dự kiến trong Quý II/2022
2	Góp vốn vào Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	120.000.000.000	Sau khi kết thúc đợt chào bán và dự kiến trong Quý II/2022
3	Bổ sung vốn lưu động: Mua hàng hóa, nguyên vật liệu và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty (sản phẩm nhựa: linh phụ kiện nhựa lắp ráp ô tô, xe máy, điều hòa, máy giặt, máy in, hộp nhựa, vỏ điện thoại, pa lét nhựa...; hạt nhựa các loại, phụ gia, hạt màu; thép, linh phụ kiện, vật tư phục vụ gia công khuôn; sơn mạ sản phẩm; dịch vụ vận tải...); thanh toán lương, lương khuyến khích, bảo hiểm và các khoản phụ cấp cho người lao động.	196.600.000.000	Sau khi kết thúc đợt chào bán và dự kiến trong Quý II/2022
Tổng cộng		546.600.000.000	

Trong trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích dự kiến, Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội sẽ thực hiện phân bổ lần lượt theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi sử dụng hết tổng số tiền thu được từ đợt chào bán, cụ thể như sau:

- (1) Góp vốn vào Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Công nghệ cao An Cường: 230.000.000.000 đồng
- (2) Góp vốn vào Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam: 120.000.000.000 đồng
- (3) Bổ sung vốn lưu động: Mua hàng hóa, nguyên vật liệu và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty (sản phẩm nhựa: linh phụ kiện nhựa lắp ráp ô tô, xe máy, điều hòa, máy giặt, máy in, hộp nhựa, vỏ điện thoại, pa lét nhựa...; hạt nhựa các loại, phụ gia, hạt màu; thép, linh phụ kiện, vật tư phục vụ gia công khuôn; sơn mạ sản phẩm; dịch vụ vận tải...); thanh toán lương, lương khuyến khích, bảo hiểm và các khoản phụ cấp cho người lao động: 196.600.000.000 đồng

Kế hoạch sử dụng vốn chi tiết như sau:

- Góp vốn vào Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Công nghệ cao An Cường
- Tên Công ty: Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Công nghệ cao An Cường

- Địa chỉ: KCN Kỹ thuật cao An Phát, Km47, quốc lộ 5, Phường Việt Hòa, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0801238156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 09/01/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 25/05/2021
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất
- Vốn điều lệ đăng ký: 196.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 196.000.000.000 đồng
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Khoản – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Mối quan hệ của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội, thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và người có liên quan của NHH với Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường.
- + Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội là Công ty mẹ của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường (sở hữu 99,18% số lượng cổ phần).
- Hình thức góp vốn của NHH tại Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường: góp vốn trực tiếp bằng tiền.
- Thời gian dự kiến: ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm cụ thể, dự kiến trong quý 2/2022
- Cơ cấu cổ đông của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường:

Tên cổ đông	Trước khi góp vốn		Dự kiến sau khi góp vốn		Thời gian thực hiện
	Giá trị (nghìn đồng)	Tỷ lệ%/vốn điều lệ	Giá trị (nghìn đồng)	Tỷ lệ%/vốn điều lệ	
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	194.400.000	99,18%	424.400.000	99,62%	Sau khi kết thúc đợt chào bán và dự kiến Quý II/2022
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	1.500.000	0,77%	1.500.000	0,35%	
Công ty Cổ phần Premier Outlet Việt Nam	100.000	0,05%	100.000	0,02%	
Tổng cộng	196.000.000	100%	426.000.000	100%	

- Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội sẽ sử dụng 230.000.000.000 đồng để góp vào Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Công nghệ Cao An Cường (tương ứng với 23.000.000 cổ phiếu), trong đó: Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội sẽ sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán 36.440.000 cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu là: 230.000.000.000 đồng.
- Cơ sở pháp lý thực hiện góp vốn vào Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường:
- + Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 số 402/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/12/2021 của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
- + Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Công ty số 0912/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/12/2021.

- **Góp vốn vào Công ty TNHH MTV cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam**
- Tên Công ty: Công ty TNHH MTV cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam
- Địa chỉ: KCN Kỹ thuật cao An Phát, Km47, quốc lộ 5, Phường Việt Hòa, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0801277109 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 17/01/2019, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 27/01/2021.
- Hoạt động kinh doanh chính: Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại
- Vốn điều lệ đăng ký: 80.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 80.000.000.000 đồng
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Lê Chức – Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Mối quan hệ của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội, thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và người có liên quan của NHH với Công ty TNHH MTV cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam.
- + Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội là Công ty mẹ của Công ty TNHH MTV cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam (sở hữu 100% vốn điều lệ).
- Hình thức góp vốn của NHH tại Công ty TNHH MTV cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam: góp vốn trực tiếp bằng tiền.
- Thời gian dự kiến: ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm cụ thể, dự kiến trong quý 2/2022
- Cơ cấu vốn góp của Công ty TNHH MTV cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam:

Tên cổ đông	Trước khi góp vốn		Dự kiến sau khi góp vốn		Thời gian thực hiện
	Giá trị (nghìn đồng)	Tỷ lệ%/vốn điều lệ	Giá trị (nghìn đồng)	Tỷ lệ%/vốn điều lệ	
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	80.000.000	100%	200.000.000	100%	Sau khi kết thúc đợt chào bán và dự kiến trong Quý II/2022
Tổng cộng	80.000.000	100%	200.000.000	100%	

- Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội sẽ sử dụng 120.000.000.000 đồng để góp vào Công ty TNHH MTV cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam, trong đó: Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội sẽ sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán 36.440.000 cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu là: 120.000.000.000 đồng.
- Cơ sở pháp lý thực hiện góp vốn vào Công ty TNHH MTV cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam:
- + Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 số 402/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/12/2021 của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội
- + Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam số 410/2021/NQ-HĐQT ngày 14/12/2021.

[Hết nội dung tại trang này]

• **Bổ sung vốn lưu động**

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền (đồng)	Thời hạn thực hiện dự kiến
1	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty (sản phẩm nhựa: linh phụ kiện nhựa lắp ráp ô tô, xe máy, điều hòa, máy giặt, máy in, hộp nhựa, vỏ điện thoại, pa lét nhựa...; hạt nhựa các loại, phụ gia, hạt màu; thép, linh phụ kiện, vật tư phục vụ gia công khuôn; sơn mạ sản phẩm; dịch vụ vận tải...);	170.000.000.000	Sau khi kết thúc đợt chào bán và dự kiến trong Quý II/2022
2	Thanh toán lương, lương khuyến khích, bảo hiểm và các khoản phụ cấp cho người lao động.	26.600.000.000	Sau khi kết thúc đợt chào bán và dự kiến Quý II/2022
	Tổng cộng	196.600.000.000	

[Hết nội dung tại trang này]



X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm

Điện thoại: +84 24 3831 5100

Website: www.ey.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chi Thanh, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: +84 24 3377 6699

Fax: +84 24 3373 6699

Website: www.sbsi.vn

Ý kiến của Tổ chức tư vấn về đợt chào bán ra công chúng

Với tư cách là tổ chức tư vấn phát hành, Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng để đưa ra đánh giá về đợt chào bán, cụ thể như sau.

SBSI đánh giá cao về năng lực hoạt động và tiềm năng phát triển của Công ty trong ngành công nghiệp hỗ trợ. Mức thanh khoản tốt của cổ phiếu NHH trên thị trường cùng chính sách chia cổ tức đều đặn của doanh nghiệp đã tạo được sức hấp dẫn đối với cả nhà đầu tư cá nhân và nhà đầu tư tổ chức. Đồng thời, giá chào bán là 15.000 đồng/cổ phiếu, tương đương bằng 104,10% giá trị sổ sách của Công ty theo Báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2021 đã được soát xét và bằng 90,45% giá trị sổ sách của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2021 đã được soát xét kỹ gần nhất, và bằng 39,54% so với giá trị cổ phiếu NHH đang được giao dịch trên thị trường (giá trị thị trường giao dịch của cổ phiếu NHH bình quân 20 phiên gần nhất (từ ngày 30/09/2021 đến ngày 27/10/2021) là 37.932 đồng/cổ phần). Chúng tôi đánh giá mức giá chào bán như vậy là hấp dẫn với cổ đông của Công ty, đảm bảo cho sự thành công của đợt chào bán. Đồng thời, việc sử dụng tiền thu được để đầu tư vào các Công ty con và bổ sung vốn lưu động, mở rộng hoạt động kinh doanh cốt lõi trong ngành nghề có nhiều triển vọng tăng trưởng sẽ giúp gia tăng giá trị Công ty và lợi ích cho cổ đông, củng cố thêm khả năng thành công của đợt chào bán.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có



XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH,
TỔ CHỨC TƯ VẤN

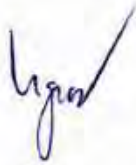
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HÀ NỘI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BÙI MINH HẢI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐỖ THỊ HƯƠNG GIANG

TỔNG GIÁM ĐỐC



BÙI THANH NAM

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUANG ANH



XIII. PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2008, thay đổi lần thứ 7 ngày 29 tháng 12 năm 2020
2. Điều lệ Công ty
3. Báo cáo tài chính riêng, hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán
4. Báo cáo tài chính riêng, hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán
5. Báo cáo tài chính riêng, hợp nhất bán niên năm 2021 đã được soát xét
6. Báo cáo tài chính riêng, hợp nhất quý 4 năm 2021
7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 số 402/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/12/2021 thông qua phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng; phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và niêm yết bổ sung cổ phiếu chào bán;
8. Nghị quyết HĐQT thông qua triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty;
9. Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất đã được kiểm toán

[Hết nội dung tại trang này]